

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**



2017

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2017 tình hình thế giới thay đổi theo hướng tăng trưởng khả quan. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu mới công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%.

Về phía SOVI, 2017 là một năm tương đối khó khăn khi nguồn cung tăng dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt, tạo ra sự mất cân bằng khiến cho giá bán giảm mạnh để duy trì mối quan hệ khách hàng trước những công ty đối thủ. Cộng với việc Chính phủ Trung Quốc thắt chặt chính sách bảo vệ môi trường làm giảm nguồn cung nguyên vật liệu và giấy để sản xuất bao bì đã đẩy giá giấy làm bao bì trong nước tăng cao do các nhà cung ứng giấy trong nước có xu hướng găm hàng để bán sang Trung Quốc. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn chung của thị trường, bằng nỗ lực của cả tập thể Công ty vẫn bảo đảm sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn. Ngoài ra, SOVI nằm trong TOP 100 doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt Nam (FAST 500). Đây thật sự là thành tích đáng tự hào của tập thể CTCP Bao Bì Biên Hòa khi không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Năm 2017, thị trường sẽ tiếp tục diễn ra các thương vụ M&A các doanh nghiệp trong ngành bao bì mà bên mua không chỉ là các doanh nghiệp Châu Á mà còn có sự tham gia của các doanh nghiệp Châu Âu. Theo đó, áp lực giữ vững thương hiệu của Công ty là rất lớn. Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty đã chuẩn bị và sẵn sàng tận dụng các cơ hội, chuyển hóa những thách thức trở thành cơ hội mới để nâng sức cạnh tranh trong ngành bao bì nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cổ đông, tập thể cán bộ công nhân viên và các đối tác luôn đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự tin nhiệm của cổ đông, SOVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định, giữ vững niềm tin với cổ đông và nâng cao uy tín trên thị trường.

Xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công đến Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Bao Bì Biên Hòa.

TRẦN TRANG BÌNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị



TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.

SỨ MỆNH

- Cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng những sản phẩm bao bì giấy với chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hoạt động phù hợp với từng giai đoạn nhằm đưa Sovi trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp bao bì carton hàng đầu Việt Nam.
- Tạo môi trường & điều kiện làm việc cởi mở, thân thiện, mang lại hiệu quả cao nhất nhằm phát huy toàn diện tài năng của CBCNV.
- Từ đó, thỏa mãn đầy đủ những nhu cầu cuộc sống cho CBCNV, đem lại lợi nhuận hợp lý cho Công ty và lợi tức thỏa đáng cho các cổ đông, đồng thời cống hiến thật nhiều cho đất nước, cho xã hội.

SOVI

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

"Giải pháp bao bì toàn diện"



MỤC LỤC

TỔNG QUAN CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT



SOVI

"Giải pháp bao bì toàn diện"

Tên giao dịch



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Tên tiếng Anh



BIEN HOA PACKAGING COMPANY

Giấy CNĐKDN



3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng kí lần đầu ngày 14/08/2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 14/04/2016.

Vốn chủ sở hữu



353.590.204.683 đồng

Địa chỉ



KCN Biên Hòa 1, đường số 7, P.An Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại



(0251) 3 836 121 – (0251) 3 836 122

Số fax



(0251) 3 832 939

Website



www.sovi.com.vn

Email



sovi@sovi.com.vn

Mã cổ phiếu



SVI

Logo Công ty





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1968

Tiền thân là nhà máy sản xuất bao bì giấy gợn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, công suất thiết kế 4.000 tấn/năm

Nhà máy được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên là nhà máy Bao Bì Biên Hòa hoạt động trực thuộc Sở Công Nghiệp tỉnh Đồng Nai lấy tên thương hiệu là "SOVI"

1978

Với việc đầu tư mới dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại đã nâng công suất lên 20.000 tấn/ năm và trở thành Nhà sản xuất bao bì carton gợn sóng hàng đầu của Việt Nam

1997



Thực hiện chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp, nhà máy Bao Bì Biên Hòa đổi tên thành Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa vẫn duy trì thương hiệu là "SOVI"

2003



2005

SOVI tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng, đầu tư nhà máy sản xuất bao bì carton mới, nâng công suất thiết kế lên 45.000 tấm/ năm

Tiếp nối những thành công trên, SOVI mạnh dạn đầu tư thêm phân xưởng sản xuất hộp giấy cao cấp với dây chuyền công nghệ offset hiện đại của Đức, Ý, Thụy Sĩ, Nhật Bản

2000



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2008

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SVI

SOVI đầu tư nhà máy sản xuất bao bì Giấy Bình Dương với diện tích 5,7ha tại KCN Mỹ Phước 3 – Bình Dương, nâng công suất thiết kế sản phẩm lên 75.000 tấn/năm. Cùng với đó, Công ty đầu tư nâng cấp nhà máy bao bì in offset: diện tích 12.788m² với công suất 6.500 tấn/năm, nằm ở đường số 7, KCN Biên Hòa 1. Đồng thời, triển khai Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite

2010

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (SOVI) chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SVI

2012



2017

Triển khai Dự án đầu tư mới Nhà máy SX bao bì carton 30.000 tấn/năm tại KCN Lộc An, Bình Sơn, Long Thành, Đồng Nai bằng việc hoàn tất việc đầu tư thuê đất trả tiền một lần với diện tích 60.000 m² tại địa chỉ trên.

Tăng vốn điều lệ lên 128.324.370.000 đồng theo hình thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đạt bằng chứng nhận top 10 doanh nghiệp tin nhiệm nhất Việt Nam thuộc cùng hệ thống ngành kinh tế

2016

Nâng vốn điều lệ lên 106.978.420.000 đồng theo giấy chứng nhận kinh doanh số 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013



2013



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh và một số sản phẩm tiêu biểu

- ✓ Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- ✓ Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (sản xuất giấy);
- ✓ Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- ✓ In ấn.



Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh chính:
Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh,
Bình Dương. Đây đều là
những thành phố có tốc độ
phát triển nhanh và cơ sở hạ
tầng dành cho ngành công
nghiệp tốt nhất Việt Nam.



- Trụ sở chính: Nhà máy Bao bì In Offset

KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà,
Tỉnh Đồng Nai

- Nhà máy xeo giấy

Đường số 3, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Nhà máy bao bì carton Biên Hòa

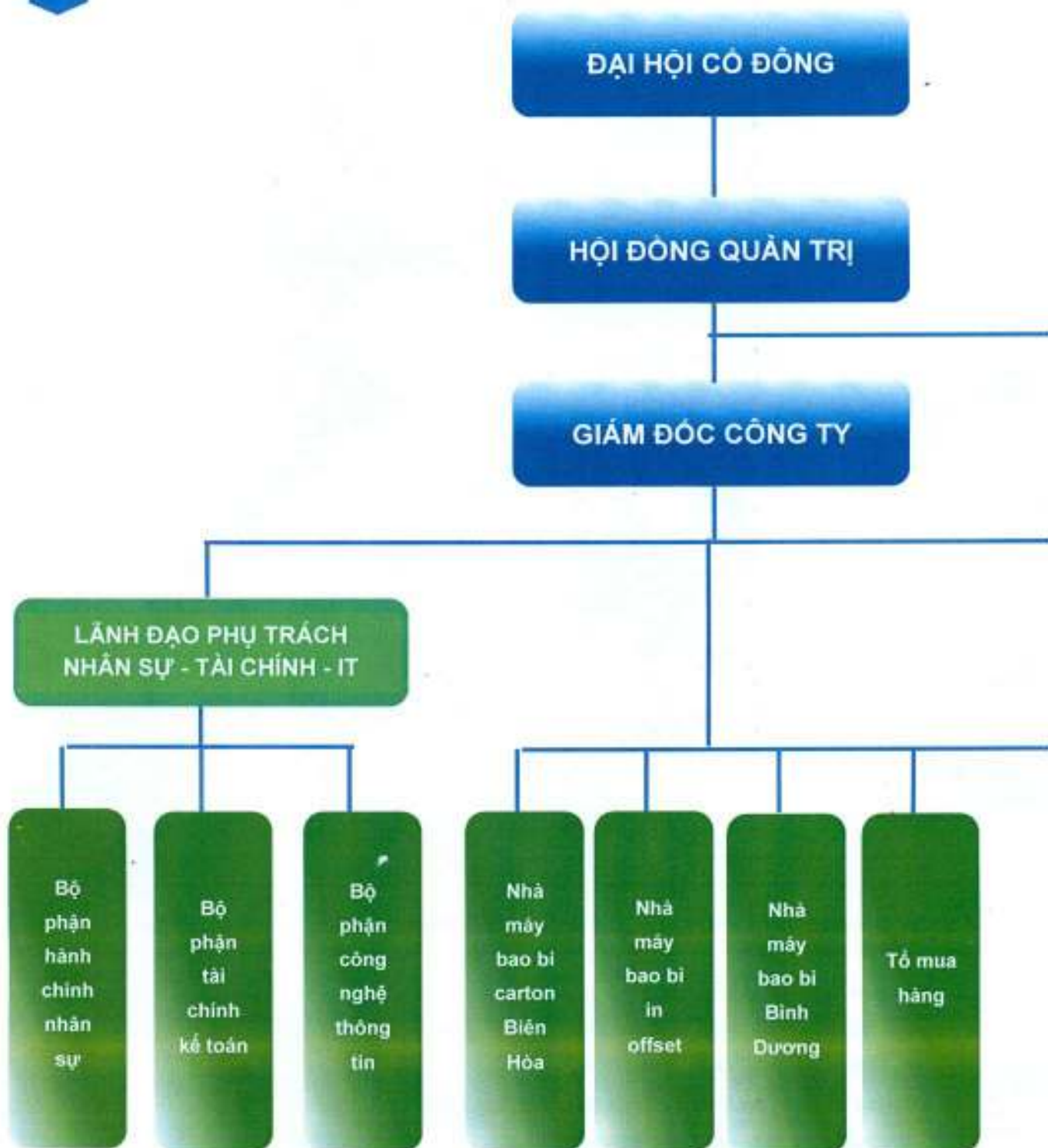
Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

- Nhà máy bao bì giấy Bình Dương

KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương



CƠ CẤU TỔ CHỨC



BAN KIỂM SOÁT

PHÓ GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ban 5S;
Anh
toàn;
PCCC

Bộ
phận
Kỹ
thuật
Cơ
điện

Bộ
phận
Nghiên
cứu
Phát
triển

Bộ
phận
Quản
trị chất
lượng

Bộ
phận
Kế
hoạch
sản
xuất

Bộ
phận
Kinh
doanh



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Chiến lược tăng trưởng tập trung



Cùng với những điểm mạnh và cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành thực hiện các giải pháp:

- Tập trung đầu tư bổ sung, mở rộng và nâng cấp thiết bị nhằm đồng bộ hóa - tự động hóa dây chuyền sản xuất hiện có của nhà máy bao bì carton tại Mỹ Phước nhằm đưa công suất sản xuất từ 45.000 tấn/năm lên 60.000 tấn/năm và nhà máy bao bì offset lên 10.000 tấn/năm vào năm 2020, đưa công suất sản xuất toàn chuyển bao bì carton của Công ty lên 100.000 tấn/năm. Cùng với đó, Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm định mức sử dụng nguyên vật liệu và tăng năng suất thiết bị.
- Ngoài đầu tư bổ sung, Công ty còn đầu tư mời Nhà máy bao bì carton giai đoạn 1 có công suất 30.000 tấn/năm tại KCN Lộc An, Bình Sơn, Đồng Nai nhằm mở rộng thị phần, gia tăng sức cạnh tranh của Công ty với các đối thủ trong khu vực Đông Nam Bộ.
- Công ty tiến hành nghiên cứu, phân tích nhu cầu của khách hàng để đưa ra các giải pháp chăm sóc từng khách hàng một cách tốt nhất; tiếp tục duy trì quan hệ và nâng cao doanh số của khách hàng chiến lược. Ngoài ra, Công ty phân tích lợi thế cạnh tranh để xác định điểm mạnh và điểm yếu từ đó khắc phục và cải tiến.

Chiến lược dẫn đầu về dịch vụ khách hàng

Cải tiến và nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và coi đó là một trong lợi thế nhất của SOVI so với đối thủ cạnh tranh. Theo đó, Công ty áp dụng các giải pháp:

- Xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ và năng lực, có văn hóa ứng xử, có khả năng tư vấn đáp ứng và triển khai đơn đặt hàng nhanh nhất.
- Đảm bảo giao hàng đúng hẹn – đủ số lượng và chất lượng. Chủ động lắng nghe và trả lời những thắc mắc, khiếu nại của khách hàng một cách nhanh chóng – chính xác, từ đó, đưa ra những giải pháp để cải tiến chất lượng dịch vụ.
- Công ty chỉ rõ trách nhiệm bộ phận, cá nhân chủ trì, phối hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành phân tích đánh giá chất lượng các dịch vụ của SOVI so với đối thủ cạnh tranh và mong đợi từ khách hàng. Trên cơ sở đó, Công ty xác định mục tiêu và chương trình cải tiến của từng giai đoạn.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, hệ thống quản lý

Con người được coi là một "tài nguyên đặc biệt", một nguồn lực của sự phát triển kinh tế. Việc phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực trở thành vấn đề chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống phát triển các nguồn lực. Nhận thức được vấn đề này, Công ty áp dụng thực hiện và triển khai các giải pháp:

- Soát xét nâng cao các tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, mối quan hệ, tính hiệu quả, v.v... của từng thành viên.
- Để mang lại hiệu quả cho công việc, định kỳ Công ty soát xét hệ thống văn bản quản lý, cụ thể các tác nghiệp đang áp dụng trên cơ sở cải tiến, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo cho nhân viên hoặc gửi nhân sự đi đào tạo. Ngoài ra, định kỳ tiến hành tập sự, đánh giá, cải tiến để sẵn sàng bổ sung vào các vị trí mà nhân sự không còn phù hợp.

Công ty luôn chú trọng tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, sạch sẽ và an toàn. Định kỳ Công ty cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm chế độ lương, thưởng và các phúc lợi cũng như duy trì văn hóa kỷ luật trong Công ty.

Chiến lược sản xuất và tác nghiệp

Về con người

Nhân sự là yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, Công ty tập trung lựa chọn, tuyển dụng những cá nhân phù hợp với từng vị trí công việc trong SOVI. SOVI luôn tìm kiếm những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác. Ngoài ra, SOVI còn tìm kiếm những người chủ động tìm hiểu tình hình công việc, xem xét thực tế và phát biểu những suy nghĩ của mình dựa vào những tài liệu do chính bản thân mình tìm ra.



Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Định kỳ, Công ty tiến hành bảo dưỡng máy móc, thiết bị nhằm phát hiện những hư hỏng để kịp thời sửa chữa và đưa thiết bị về trạng thái tốt nhất, đạt chuẩn của nhà cung cấp. Ngoài ra, Công ty xây dựng quy trình quản lý từng thiết bị từ việc vệ sinh, bảo dưỡng, vận hành, kiểm tra, sửa chữa.
- Thường xuyên khảo sát, kiểm tra để loại bỏ các lãng phí do thiết bị gây ra. Từ đó xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, áp dụng phương pháp tính hiệu suất sử dụng thiết bị (OEE) cho từng khâu máy, phân đầu nâng OEE lên 85%.

Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Công ty tiến hành đào tạo người lao động một cách thường xuyên và chuyển giao đến từng vị trí công việc, nhằm đảm bảo nhân viên có đủ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giải quyết sự cố. Từ đó, người lao động sẽ từng bước tác nghiệp và đảm bảo từng thông số quy định của quy trình.
- Công ty tiến hành nghiên cứu và xây dựng quy trình, chuẩn hóa công nghệ để cải tiến công nghệ một cách liên tục. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên theo dõi và thống kê các sự cố công nghệ thường gặp để xây dựng các giải pháp xử lý nhằm khắc phục sự cố một cách kịp thời và nhanh chóng.



Về quản lý chất lượng

- Từng vị trí công việc trên chuyền đều được xây dựng tiêu chuẩn riêng như tiêu chuẩn về sản phẩm, bán sản phẩm, các phương pháp kiểm tra, số lần kiểm tra. Ngoài ra, xây dựng những hướng dẫn để xử lý sự cố về chất lượng, xử lý kết quả kiểm tra và ghi chép về chất lượng trong biểu mẫu.
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về chất lượng để có các cải tiến hoặc ban hành hành động khắc phục phòng ngừa (HĐKP - PN). Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP - PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả.

Về quản lý định mức sử dụng NVL

- Xây dựng và ban hành định mức cho tất cả nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất. Số liệu định mức này phải được xác định dựa trên cơ sở: thiết bị, nguyên vật liệu, quy trình và con người được chuẩn hóa, hướng dẫn xử lý sự cố khi định mức vượt quá quy định và nội dung cần ghi chép về định mức trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc.
- Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về định mức để có các cải tiến hoặc HĐKP - PN kịp thời. Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP - PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả.



Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, tồn bán thành phẩm và điều độ sản xuất hiệu quả

- Thường xuyên kiểm tra máy móc để giảm thời gian và số lần hư máy đột xuất. Từ đó, nâng cao độ chính xác năng suất từng khâu. Ngoài ra, xây dựng phần mềm điều độ chi tiết, phân tích nguyên nhân tồn bán thành phẩm hàng ngày nhằm từng bước giảm bán thành phẩm tồn xưởng.
- Xây dựng các nguyên tắc sắp xếp lịch sản xuất từng khâu máy đảm bảo hiệu quả về chất lượng, định mức, năng suất, v.v... làm cơ sở cho việc xây dựng các nguyên tắc điều độ. Hàng ngày phân tích hiệu quả điều độ nhằm tìm cơ hội cải tiến các nguyên tắc điều độ đã xác lập.
- Nâng cao độ chính xác của dự báo bán hàng, qui hoạch nguyên vật liệu, dự trữ mua, thời gian giao hàng của nhà cung cấp đặc biệt là giấy nhằm hạn chế đến mức thấp nhất chủng loại, số lượng tồn kho nguyên vật liệu.

Chiến lược hạ thấp chi phí:

Chiến lược hạ thấp chi phí là chiến lược tạo lợi thế cạnh tranh bằng cách sản xuất ra sản phẩm dịch vụ với chi phí thấp để có thể định giá thấp hơn các đối thủ cạnh tranh trong ngành nhằm thu hút những khách hàng mục tiêu nhạy cảm với giá thấp và chiếm được thị phần lớn. Cạnh tranh ngành bao bì ngày càng tăng, các doanh nghiệp sản xuất bao bì giấy đang đẩy mạnh chiến lược giá thấp nhằm gia tăng doanh số và chiếm lĩnh thị phần nên giá cả trở thành nhân tố quan trọng trong quá trình chọn nhà cung cấp mua hàng. Theo đó, hạ thấp chi phí là một chiến lược cơ bản nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh. Để làm tốt chiến lược này đòi hỏi sự nỗ lực thường xuyên và liên tục của từng cá nhân, bộ phận, phân xưởng, cụ thể:

- Từng bước loại bỏ lãng phí bằng việc lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí.
- Ngân sách sử dụng cho từng bộ phận, phân xưởng đều phải thông qua các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và phải dựa trên cơ sở đảm bảo định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý ngân sách.
- Các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của từng bộ phận đều phải được thu thập và phân tích hàng ngày để tìm ra cách giảm chi phí cũng như nguyên nhân làm chi phí tăng để đề ra các biện pháp khắc phục và cải tiến kịp thời.



Đối với xã hội và cộng đồng:

- Khi kinh tế được thúc đẩy song hành cùng việc đảm bảo cân bằng các giá trị môi trường – xã hội, “phát triển bền vững” đã trở thành yêu cầu tiên quyết trong hoạt động của SOVI. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện như hỗ trợ các trẻ em nghèo vượt khó; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ kinh phí chăm lo công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn xuân 2017, v.v...
- Ngoài ra, sự phát triển của kinh tế gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường, đặc biệt là trong những ngành công nghiệp sản xuất, điển hình là ngành sản xuất giấy. Nhận thức được điều đó, môi trường là yếu tố được SOVI quan tâm hàng đầu và chú trọng. Với sản phẩm chính là bao bì giấy, Công ty luôn đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về các vấn đề môi trường. Bằng những hành động cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng thành viên trong Công ty.





CÁC RỦI RO

Rủi ro về lãi suất



Với đặc thù ngành là sản xuất bao bì chủ yếu cho các ngành công nghiệp chế biến và tiêu dùng nên thường xuyên phát sinh nhu cầu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn, do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của SOVI. Trong năm 2017, Công ty lập kế hoạch vay và chi trả cụ thể cho từng khoản vay của công ty, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện việc đàm phán với một số khách hàng có doanh số thấp để rút ngắn thời hạn thu tiền trung bình như từ 60 ngày xuống còn 30 ngày, đồng thời tăng thời hạn trả nợ từ 45 ngày lên 60 ngày, v.v... Chính điều này đã hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để phục vụ kinh doanh, đầu tư, hầu như tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Do đó, lãi suất tiền vay - chi phí sử dụng vốn - trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Song, có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Do đó, những tính toán, dự kiến trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư bị đảo lộn. Khi có một biến động về lãi suất xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh. Lượng tiền vay càng lớn, tác động tiêu cực của rủi ro này càng nghiêm trọng và có thể dẫn đến tình trạng phá sản doanh nghiệp nếu nó tồn tại trong một thời kỳ dài.

Ris

Rủi ro về tỷ giá

Tỷ giá là một trong những nguồn gốc rủi ro chính, khiến nhiều doanh nghiệp lao đao và cũng là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của rất nhiều công cụ phòng chống rủi ro ngoại hối. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, tác động tỷ giá ngày càng mạnh khi nền kinh tế hội nhập sâu rộng hơn. Hiện nay, mặc dù cơ chế tỷ giá của nước ta đã linh hoạt hơn trước, tuy nhiên vẫn còn chưa phản ánh được quy luật cung cầu của thị trường; chưa phản ánh đúng giá tiền đồng so với thực tế dễ dẫn đến rủi ro tỷ giá khi nền kinh tế có sự biến động. Với những doanh nghiệp sử dụng nhiều ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Đây là rủi ro bất khả kháng của các doanh nghiệp trong một nền kinh tế nhập siêu với tỷ lệ lớn.



Với nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI chủ yếu được nhập từ nước ngoài, theo đó khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Ví thể, trong năm 2017 Công ty tiếp tục chủ động chuyển một số nguyên liệu chính như giấy cuộn, phụ tùng thiết bị... nhập khẩu trước đây sang mua trong nước nhằm hạn chế tối đa các tổn thất rủi ro tỷ giá có thể xảy ra, đồng thời theo dõi các yếu tố có thể tạo nên biến động về tỷ giá, lập nhu cầu ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ và theo dõi sát sao biến động để có kế hoạch điều chỉnh hợp lý.





CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro về giá cả nguyên vật liệu

Từ tháng 05/2017, Trung Quốc ngừng cấp hạn ngạch bổ sung nhập khẩu giấy thu hồi lâm nguyên liệu sản xuất, đóng cửa hàng loạt cơ sở sản xuất giấy để hoàn thiện các hệ thống xử lý thải đạt quy chuẩn mới được hoạt động trở lại. Việc này đã làm cho các nhà máy sản xuất giấy làm bao bì ở Trung Quốc thiếu nguyên liệu và hậu quả là giá giấy làm bao bì và giá bao bì giấy tăng. Ví dụ, từ quý I/2017, các thương lái Trung Quốc sang thu mua nguyên vật liệu và giấy tại Việt Nam với giá mua cao hơn giá bán trong nước 1,5 - 2 triệu đồng/tấn, dao động 11,5 - 13 triệu đồng/tấn tùy loại, thậm chí họ còn muốn ký hợp đồng dài hạn và đề nghị trả tiền trước để mang giấy về Trung Quốc.

Những chính sách mới của Trung Quốc đã tác động rất lớn tới thị trường Việt Nam cũng như các nước trong khu vực. Nhiều doanh nghiệp sản xuất bao bì gặp khó khăn khi giá giấy cuộn carton đầu vào đều đồng loạt tăng giá nhưng giá đầu ra thì không thể thay đổi do việc chốt đơn hàng đã thực hiện từ đầu năm 2017. Nghiêm trọng hơn, nếu các doanh nghiệp thuộc ngành bao bì Việt Nam phải mua nguyên liệu với giá bằng mức giá mà các thương nhân Trung Quốc mua, các doanh nghiệp bao bì trong nước sẽ không còn lợi nhuận, thậm chí lỗ. Biến động giá nguyên liệu đã tác động lớn đến kết quả hoạt động của Công ty. Đứng trước tình hình này, Công ty đã chủ động lập kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu để hạn chế tối đa thiệt hại. Ngoài ra, tìm kiếm nhiều đối tác cung cấp nguyên liệu giá rẻ, đồng thời ký kết hợp đồng dài hạn với những đơn hàng lớn để hưởng giá thấp.



Rủi ro cạnh tranh

Lĩnh vực đóng gói bao bì là một trong những ngành công nghiệp phát triển nhanh chóng ở Việt Nam. Theo nhận định của VINPAS – Hiệp Hội Bao Bì Việt Nam, trong thời gian gần đây, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng cùng với sự xuất hiện của hàng loạt siêu thị như Aeon, Lotte, Big C... và thói quen sử dụng sản phẩm đóng gói đã đem lại cho ngành bao bì nhiều cơ hội phát triển. Với mức tăng trưởng trung bình 15-20% mỗi năm, ngành bao bì Việt Nam được đánh giá là khá hấp dẫn.

Số doanh nghiệp hoạt động trong ngành in - bao bì trên cả nước có khoảng 2.000 đơn vị (doanh nghiệp nhỏ lẻ chiếm 80%). Bên cạnh đó, chính phủ cũng đã cho phép các công ty có 100% vốn nước ngoài được hoạt động trong ngành in - bao bì. Đặc biệt là ở khu vực Bình Dương, Đồng Nai các doanh nghiệp in có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng khá lớn, được đầu tư và điều hành khá bài bản. Điều này đã đem lại nhiều thách thức cho ngành bao bì Việt Nam. Trong bối cảnh phát triển mới, các doanh nghiệp bao bì Việt Nam cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm như tầm nhìn còn hạn chế, chiến lược dài hạn không rõ ràng, chưa có kinh nghiệm trong khâu quản lý... Nhận thức được vấn đề trên, Công ty còn xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn một cách cụ thể để định hướng cho hoạt động của Công ty. Ngoài ra, năm qua Công ty không ngừng đầu tư và đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm làm hài lòng khách hàng, góp phần củng cố và nâng cao vị thế của SOVI trên thị trường.

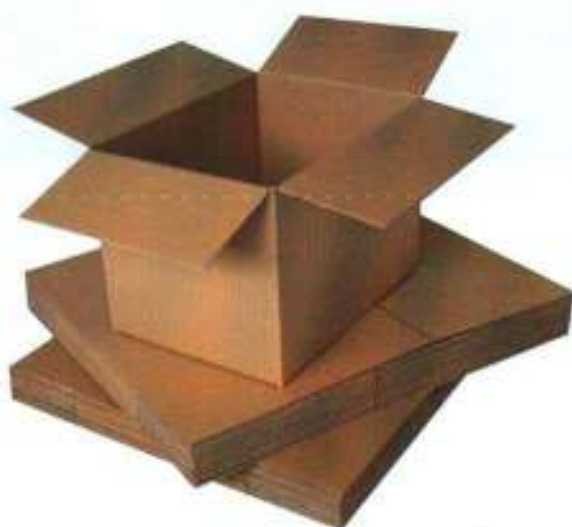




CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro nguồn nhân lực

Trong những năm gần đây, số doanh nghiệp thuộc ngành bao bì tại Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nên nhu cầu nhân lực ngành này tăng cao. Tuy nhiên, nguồn nhân lực cho ngành sản xuất nói chung và ngành bao bì giấy nói riêng thì nhiều nhưng trình độ chưa cao. Số lượng đào tạo các cấp trình độ của ngành là 300 – 400 người/năm, không đủ đáp ứng nhu cầu nhân lực gần 4000 người/năm. Nguyên nhân không chỉ do thiếu các cơ sở đào tạo mà còn do không có đầu vào. Các cơ sở đào tạo đều cho biết hiện nay cơ sở chiêu sinh còn thấp hơn rất nhiều so với khả năng đào tạo của các trường mặc dù chi phí đào tạo không cao.



Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị mới để nâng cao năng suất và tiết kiệm chi phí. Công nghệ sản xuất cao đòi hỏi nguồn lao động phù hợp. Vì vậy, Công ty đã chủ động đào tạo lao động chất lượng cao để phục vụ nhu cầu sản xuất. Ngoài ra, Công ty luôn đặt chất lượng và gắn kết dài lâu làm tiêu chí tuyển dụng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, công bằng cùng những chính sách lương, thưởng hợp lý nên đã giữ được nhân sự gắn bó lâu dài vì sự phát triển vững bền của Công ty.



Rủi ro khác

SOVI là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh bao bì giấy. Với đặc điểm của 2 nhà máy sản xuất bao bì là khu vực sản xuất có diện tích hơn 45.000m² với công suất 45.000 tấn/năm thường xuyên hoạt động và chứa hàng ngàn thành phẩm bia, nguyên liệu giấy. Đây đều là những chất dễ bắt lửa và khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra có thể gây thiệt hại toàn bộ nhà máy. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, trang bị bình cứu hỏa/ các vật dụng chữa cháy, tổ chức các buổi tập huấn cho người lao động và cấm hút thuốc, đun nấu, thắp nến hay thắp hương thờ cúng trong khu vực làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn mua bảo hiểm cho người lao động, nhà xưởng để giảm thiểu tối đa tổn thất cho cháy nổ gây ra.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên ngoài sự tác động của Luật Doanh nghiệp, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các quy định có liên quan. Thêm vào đó, do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành giấy nên Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ từ Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan khác.

Việt Nam đang tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế nên Luật và các văn bản dưới Luật cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với xu thế hội nhập. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro pháp luật, công ty giao nhiệm vụ cho Bộ phận Tài chính kế toán và Ban kiểm soát nội bộ theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó. Khi cần thiết, Công ty có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

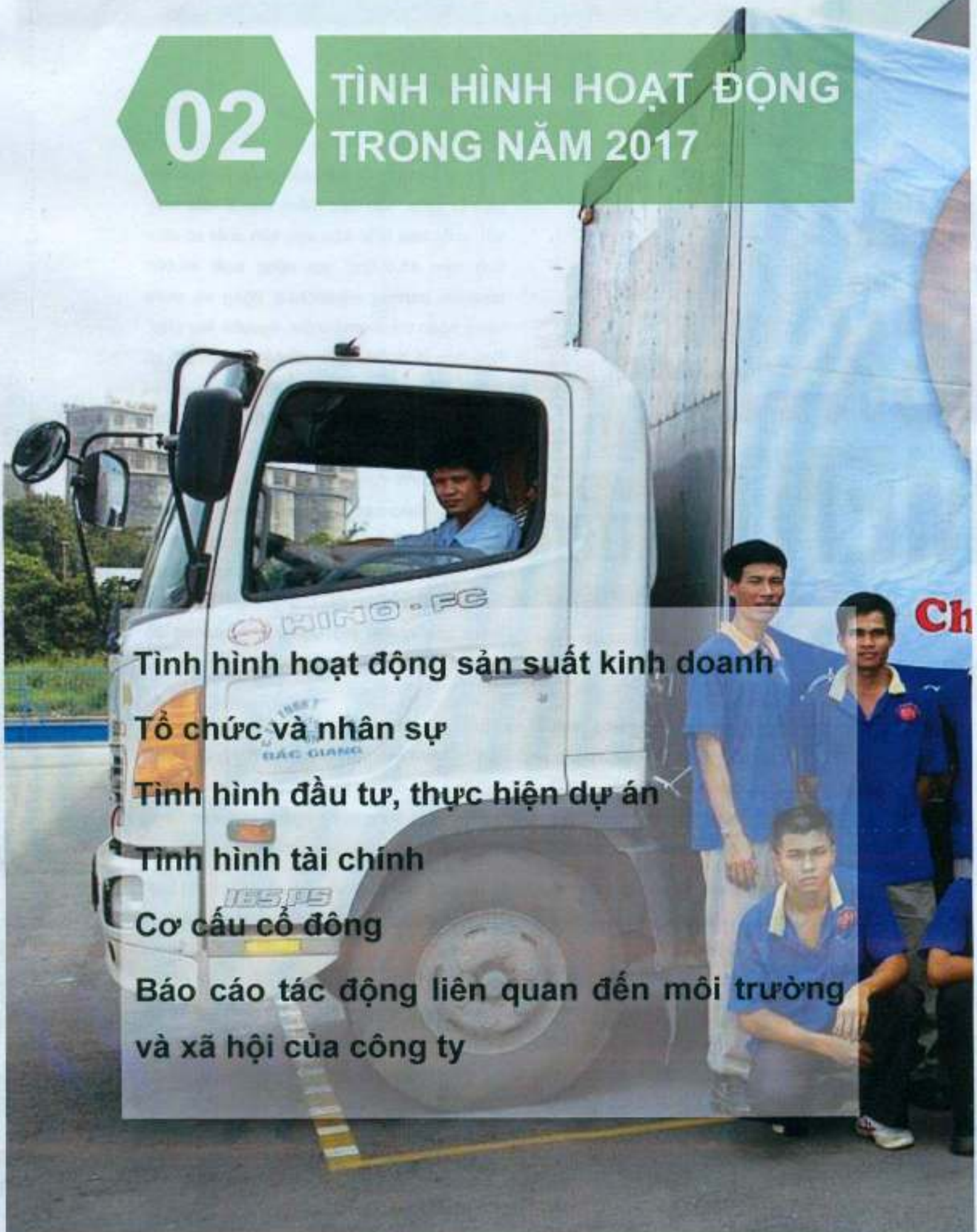
Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của công ty





CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA

Email : baobibienhoa@hcm.vnn.vn



ên s a xu
Thủ carton p, sóng 1,2m loại nh
hộp g 1,2m Cat Broch



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhìn chung, năm 2017, triển vọng các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc và EU đều sáng sủa. Các nền kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng mạnh, trong đó, Đông và Nam Á là khu vực năng động nhất thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới tiếp tục phải đối mặt với những nguy cơ như sự thay đổi trong chính sách thương mại của các quốc gia, tình hình tài chính toàn cầu suy giảm đột ngột và sự gia tăng những căng thẳng địa chính trị, cùng với những thách thức về dài hạn.

Nền kinh tế của Việt Nam cũng cho thấy sự tăng trưởng ổn định và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 – 2017. Tổng cục thống kê chỉ rõ xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, nông nghiệp và doanh nghiệp thành lập mới, v.v... là những điểm sáng góp vào bức tranh kinh tế 2017. Tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Bên cạnh đó, lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, đạt mức 3,53% thấp hơn kế hoạch đưa ra là 4% và tỉ lệ nợ công/GDP giảm xuống còn 62%, tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần.

Ngành bao bì giấy:

Tổng lượng bao bì giấy được sử dụng trên toàn thế giới giữa các ngành công nghiệp được tổng kết như sau: Ngành đóng gói thực phẩm chiếm hơn 50%, ngành điện – điện tử gần 20%, ngành hóa dược phẩm vào khoảng 10% và những ngành công nghiệp khác ở mức hơn 20%. Điều này cho thấy ngành công nghiệp sản xuất bao bì giấy trên thế giới đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với rất nhiều ngành mà cụ thể ở đây là ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Ở thị trường Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm đóng gói, đồ uống đóng chai và dược phẩm ngày càng tăng cao, dẫn đến việc gia tăng các sản phẩm bao bì. Theo các doanh nghiệp trong ngành này, bao bì sản phẩm là yếu tố quyết định để người mua lựa chọn sản phẩm. Yêu cầu của khách hàng ngày càng khắt khe, đòi hỏi bao bì không chỉ tiện lợi mà còn phải an toàn, thân thiện môi trường. Vì vậy, trong ngành bao bì hiện nay, doanh nghiệp muốn tồn tại phải đổi mới, áp dụng công nghệ hiện đại.

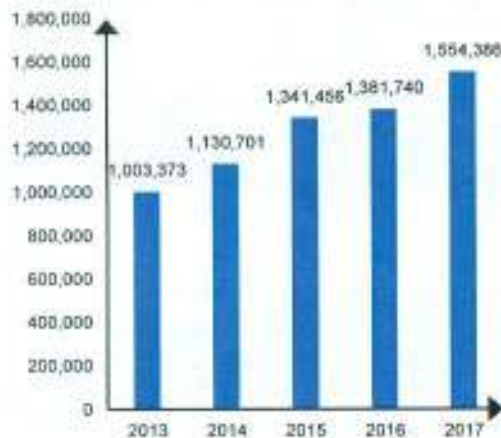
Với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được những thành tích đáng khích lệ như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% Thực hiện so với kế hoạch 2017	% Tăng/ Giảm so với 2016
Đơn vị: Tấn					
Sản lượng					
Bao bì Carton	72.240	79.000	80.473	101,86%	111,40%
Bao bì in offset	6.499	7.500	6.471	86,28%	99,57%
Bao bì hộp	1.423	-	-	-	-
Đơn vị: triệu đồng					
Tổng doanh thu	1.381.740	1.500.000	1.554.386	103,63%	112,49%
Đầu tư XDCB	35.633	120.000	64.684	53,90%	181,53%
TNBQ	13,41	12,5	13,66	101,86%	109,28%
LNTT	93.380	95.000	83.007	87,38%	88,89%
Nộp Ngân sách	60.209	64.004	48.365	75,57%	80,33%
Công tác xã hội	753	1.000	543	54,30%	72,11%

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	1.003.373	1.130.701	1.341.456	1.381.740	1.554.386
Lợi nhuận từ HĐKD	69.618	73.665	82.447	92.225	80.727
Lợi nhuận trước thuế	70.064	75.409	84.007	93.380	83.007
Lợi nhuận sau thuế	67.336	64.319	69.326	74.656	66.260
Lợi nhuận gộp	148.980	154.947	171.319	181.966	183.719

Doanh thu thuần



Doanh thu thuần giai đoạn 2013 - 2017 của Công ty có xu hướng tăng dần, với mức độ tăng trưởng bình quân 12%/ năm. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2017 đạt 1.554.386 triệu đồng, tăng 172.646 triệu đồng tương ứng tăng 12,49% so với năm 2016. Trong đó, doanh thu thuần quý 4 đạt 452.119 triệu đồng, chiếm 29% doanh thu thuần của cả năm do nhu cầu về các sản phẩm tiêu dùng tăng mạnh vào dịp Tết. Bên cạnh đó, trong dịp Tết các nhãn hàng đã tập trung đầu tư vào bao bì bắt mắt để làm tăng giá trị sản phẩm là nguyên nhân làm cho sản xuất bao bì giấy gia tăng mạnh ở thời điểm này. Ngoài ra, trong năm 2017, Công ty đã đầu tư máy móc, thiết bị mới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Tăng trưởng lợi nhuận

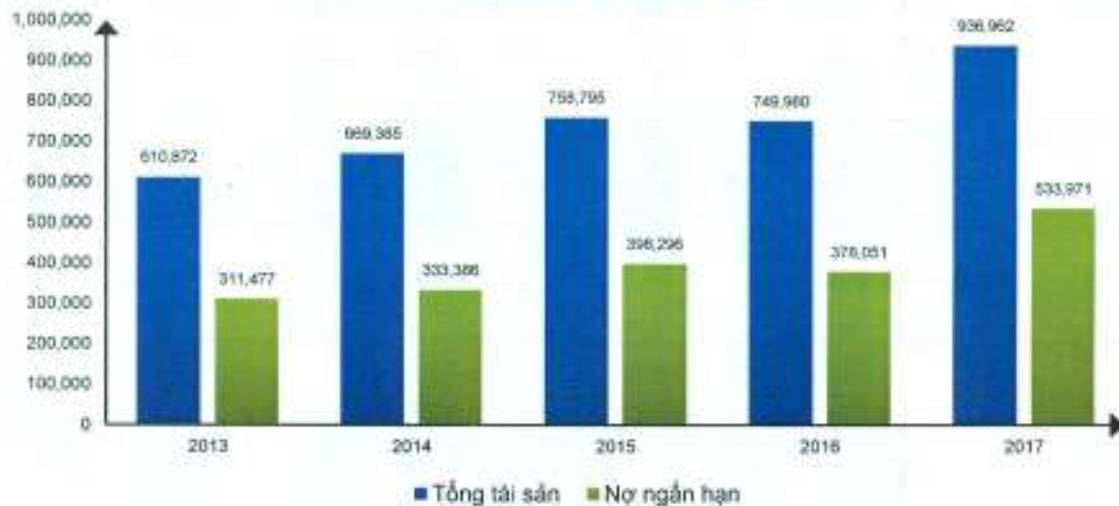


Năm 2017, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 183.719 triệu đồng, tăng 1.753 triệu đồng so với năm 2016. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế giảm 8.396 triệu đồng, tương ứng giảm 11,25% so với năm 2016. Giá vốn hàng bán trong năm 2017 tăng 170.892 triệu đồng, tương ứng tăng 14,24% so với 2016 do giá nguyên liệu chính (giấy cuộn) tăng cao hơn so với giá bán. Cùng với đó, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 1,6 tỷ và chi phí bán hàng tăng 10.736 triệu đồng. Biến động của các khoản chi phí trên đã tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho lợi nhuận sau thuế giảm.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	610.872	669.385	758.795	749.980	936.962
Tổng vốn chủ sở hữu	238.921	271.464	294.399	330.291	353.590
Nợ ngắn hạn	311.477	333.386	398.296	378.051	533.971
Nợ dài hạn	60.475	64.536	66.100	41.638	49.401

Tình hình tài sản



Tổng tài sản năm 2017 tăng 186.982 triệu đồng tương ứng tăng 24,93% so với năm 2016, đạt mức 936.962 triệu đồng. Cụ thể, khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn và hàng tồn kho lần lượt tăng 63.052 triệu đồng và 71.886 triệu đồng, tương ứng tăng 23% và 50,56% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty thực hiện chính sách bán hàng nới lỏng để khuyến khích người mua. Ngoài ra, trong năm 2017, giá của các loại nguyên vật liệu có sự biến động lớn, do đó, Công ty tăng cường kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu để hạn chế rủi ro do giá nguyên vật liệu gây ra.

Năm 2017, vốn chủ sở hữu của Công ty không có sự thay đổi lớn. Tuy nhiên, nợ phải trả tăng mạnh, đặc biệt là khoản nợ ngắn hạn tăng 155.920 triệu đồng, tương ứng tăng 41,24% so với năm 2016. Nguyên nhân là trong năm 2017 Công ty tiến hành dự trữ nguyên vật liệu chính là giấy cuộn để giảm thiểu rủi ro về giá nên khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 128.246 triệu đồng, tương ứng tăng 96,7% so với năm 2016.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức danh
1	Phạm Văn Điều	Giám Đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT
2	Trần Trang Bình	Phó Giám Đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
3	Đặng Ngọc Diệp	Phó Giám Đốc kiêm thành viên HĐQT
4	Hà Văn Sơn	Phó Giám Đốc
5	Nguyễn Hoàng	Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT





Ông PHẠM VĂN ĐIỀU

Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 127.706 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 1/1991 – 6/1996: Quản đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.
- ✓ Từ 07/1996 – 12/1996: Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.
- ✓ Từ 01/1997 – 06/1997: Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.
- ✓ Từ 07/1997 – 03/2001: Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.
- ✓ Từ 04/2001 – 05/2002: Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.
- ✓ Từ 06/2002 – 08/2003: Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 09/2003 – 2/1/2017: Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 01/2017 – nay: Giám Đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT.



Ông TRẦN TRANG BÌNH
Phó Giám đốc



Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP
Phó Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 118.974 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 06/1995 - 09/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần gỗ Tân Mai.
- ✓ Từ 09/1996 - 05/2002: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 06/2002 - nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 09/2003 - 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa
- ✓ Từ 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên hòa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 11.715 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 1996 - 2002 : Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 2002 - 2005: Trưởng bộ phận quản trị chất lượng của SOVI.
- ✓ Từ 2005 - 2006: Quản đốc xưởng in Offset SOVI.
- ✓ Từ 2006 - 4/2008: Trưởng bộ phận kế hoạch sản xuất SOVI.
- ✓ Từ 2008 - 2016 : Thành viên HĐQT, Trưởng bộ phận kế hoạch SX của SOVI
- ✓ Từ 2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc kinh doanh.



Ông HÀ VĂN SƠN
Phó Giám đốc



Ông NGUYỄN HOÀNG
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 1.500 cổ phần

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 2000 – 2001: Tổ trưởng SX Tổng công ty Cơ khí Giao thông II.
- ✓ Từ 2001 – 2007: Trưởng ca sản xuất CTCP Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 2007 – 2011: Phó quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 2011 – 02/2016: Quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 2/2016 – nay: Phó giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 6.829 cổ phần

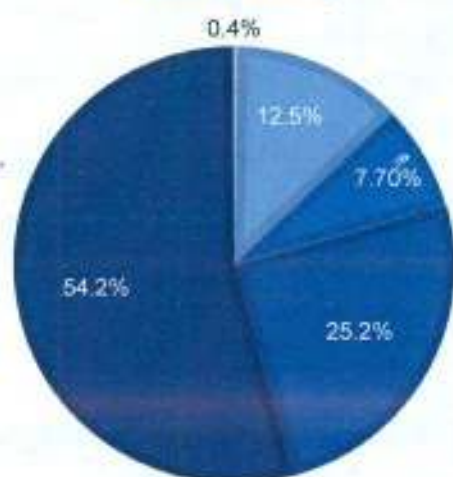
Quá trình công tác:

- ✓ Từ 1999 – 2001: PGĐ kinh doanh Công ty TNHH SX-TM-DV Ngọc Tuấn.
- ✓ Từ 2001 – 2003: Kế toán trưởng nhà máy Đông Lạnh Cần Giờ.
- ✓ Từ 2003 – 2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH Mộc Hòa Bình kiêm trợ lý kế toán trưởng Công ty CP XD và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình.
- ✓ Từ 1/2006 – 12/2009: Phó bộ phận tài chính kế toán CTCP Bao bì Biên Hòa.
- ✓ Từ 1/2010 – nay: Trưởng bộ phận tài chính kế toán, thành viên HĐQT của SOVI

Cơ cấu người lao động

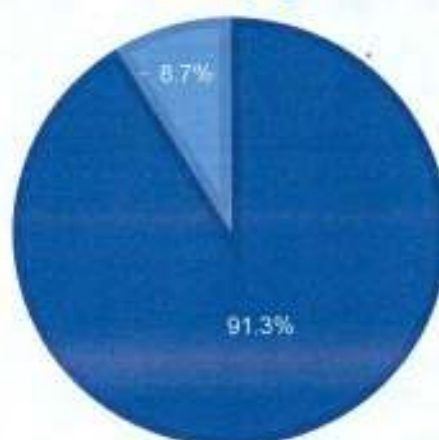
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	781	100%
1	Trên Đại học	3	0,4%
2	Đại học	98	12,5%
3	Cao đẳng	60	7,7%
4	Trung cấp	197	25,2%
5	Khác	423	54,2%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	781	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	713	91,3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	68	8,7%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,0%

Theo trình độ



■ Trên Đại học
 ■ Đại học
 ■ Cao đẳng
■ Trung cấp
 ■ Khác

Theo tính chất hợp đồng lao động



■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn

Chính sách đối với người lao động

Từ xưa đến nay, con người luôn là một đối tượng được quan tâm hàng đầu, luôn giữ vai trò quyết định, không thể thiếu trong sản xuất phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy, SOVI cam kết đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động.

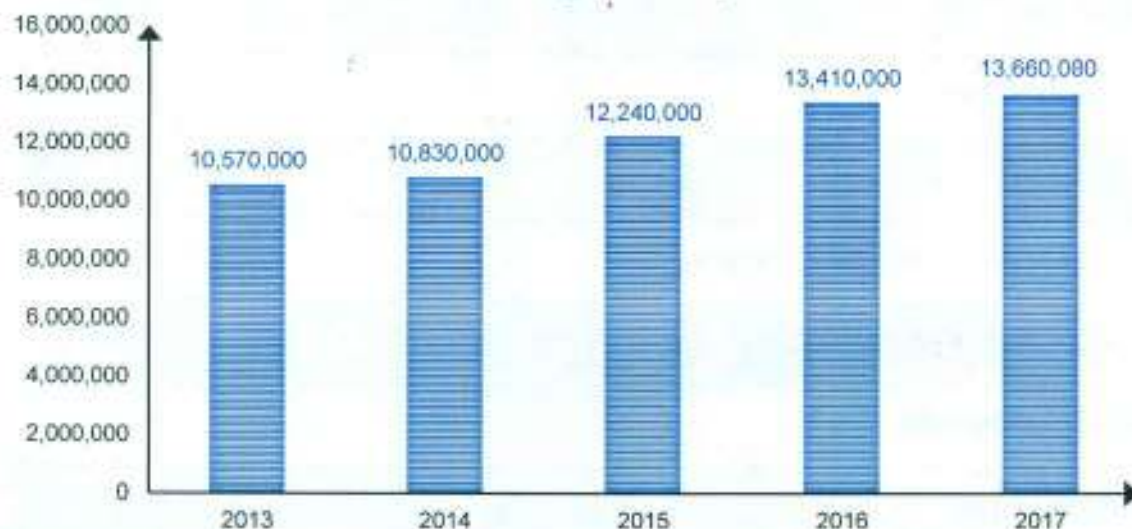
Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng dựa nghị định 153/2016/NĐ - CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng năm 2017 để đảm bảo chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên (CBCNV). Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua việc đánh giá hiệu quả công việc của từng CBCNV, từ đó, tạo động lực cho người lao động cải tiến và nâng cao hiệu suất làm việc. Đồng thời, Công ty có thể có những khuyến khích phù hợp cho từng nhân viên.

Chính sách phúc lợi:

Ngoài mức lương tối thiểu vùng, Công ty còn có những khoản lương thưởng theo thành tích hay vào dịp lễ, Tết để động viên nhân viên và luôn được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho CBCNV và tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát trong nước hoặc nước ngoài tùy theo điều kiện cụ thể của từng người. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách hỗ trợ khi gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm và thành lập quỹ xóa đói giảm nghèo để hỗ trợ các CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

Mức lương bình quân





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của Hội đồng quản trị được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 với kế hoạch dự kiến đầu tư 120 tỷ đồng; trong đó đầu tư thuê đất trả một lần tại KCN Lộc An, Bình Sơn, Long Thành là 100 tỷ đồng; đầu tư mua sắm máy móc thiết bị là 20 tỷ đồng. Tính đến hết ngày 15/12/2017, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý xin giấy phép đầu tư và ký Hợp đồng thuê đất chính thức với Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển VRG Long Thành và đã thanh toán trước 20 tỷ, phần còn lại sẽ thanh toán theo tiến độ của Hợp đồng. Việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị đã hoàn tất và phần lớn đã đưa vào sử dụng (chiếm 60%); phần còn lại dự kiến sẽ đưa vào sử dụng trong quý 1/2018.

Nội dung	Chi phí
Cải tạo khu vực thủ công	13.777.380
Cụm tạo sóng A khổ giấy 2 m	78.745.639
Dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp	3.166.747.814
Hệ thống báo cháy nhà xưởng Offset	49.910.000
Hệ thống chống sét lan truyền	660.706.500
Hệ thống chữa cháy vách tường và màng ngăn cháy	598.752.400
Hệ thống đường ống hơi và đường ống nước hồi	56.300.000
Hệ thống PCCC	34.585.650
Kệ để thành phẩm	402.820.182
Lò hơi 1 tấn	217.525.000
Máy bẻ tự động và cụm gỡ rẻo tự động	6.291.481.137
Máy cắt dao bẻ bằng hơi	33.000.000
Máy che chống thấm	59.114.880
Máy cột tự động	1.318.590.000

Nội dung	Chi phí
Máy đóng bánh tự động	274.979.545
Máy ghi bản in Flexo	4.897.533.790
Máy in Flexo 6 màu	11.736.023.246
Máy in Process 6 màu	19.422.281.611
Máy nén khí TA-100	41.500.000
Máy phân tích màu quang phổ	31.262.000
Máy phân tích màu quang phổ Model : CM-2600d và phần mềm quản lý màu sắc BSC QC	233.300.000
Máy sấy khí LD-50 HA	39.350.000
Máy trang UV tự động	2.827.200.000
Máy uốn dao bẻ tự động HC 320 và máy cắt laser 400W JC1218	589.600.000
Đất Long Thành	10.000.000.000
Nâng cấp máy pha hồ	367.917.576
Phần mềm ERP	23.538.934
Thiết bị đo ánh nhiệt	38.000.000
Trạm biến áp 250KVA	878.426.112
Website sovi.com.vn	9.000.000
Xe nâng điện Komatsu 1T5	185.000.000
Xe nâng Diesel 4.500 kg & kẹp giấy cuộn model 45D - 9S	1.085.430.000
TỔNG CỘNG	65.662.399.396



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

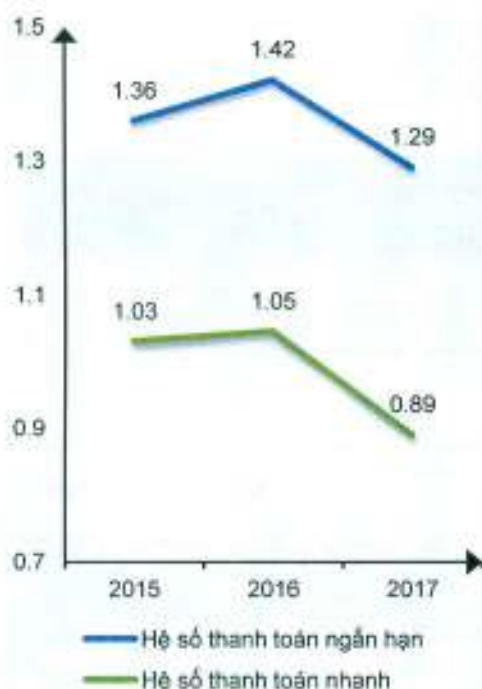
Các khoản mục trên báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	% Tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	749.980	936.962	24,93%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.381.740	1.554.386	12,49%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	92.225	80.727	-12,47%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.155	2.280	97,40%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	93.380	83.007	-11,11%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	74.656	66.260	-11,25%
Tỷ lệ cổ tức (%)	%	20	75	275%



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	2016	2017
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Lần)			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,42	1,29
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,05	0,89
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	55,96	62,26%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	127,07	164,99%
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Lần)			
1	Vòng quay hàng tồn kho	8,74	7,69
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	1,83	1,84
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,4%	4,26%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	23,9%	19,38%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	9,9%	7,86%
4	Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần	6,7%	5,19%



Khả năng thanh toán

Năm 2017, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của SOVI lần lượt đạt mức 1,29 lần và 0,89 lần, có sự giảm nhẹ so với năm 2016 lần lượt giảm 0,13 lần và 0,16 lần, tương ứng giảm 9% và 15,2%. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều tăng, tuy nhiên, tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn chậm hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn. Cuối năm là khoảng thời gian nhu cầu bao bì giấy gia tăng nên Công ty tập trung dự trữ nguyên vật liệu để sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Do đó, khoản mục phải trả người bán tăng mạnh. Bên cạnh đó, xăng có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm làm cho chi phí vận chuyển tăng nhẹ làm ảnh hưởng đến hệ số thanh toán. Tuy nhiên, hệ số thanh toán ngắn hạn >1 cho thấy Công ty có khả năng đảm bảo trả các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản ngắn hạn có thể chuyển thành tiền một cách nhanh nhất.

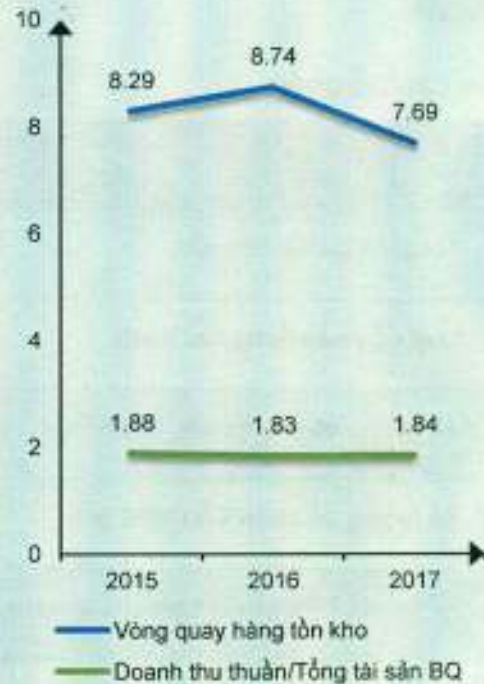


Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2017 ghi nhận sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu nguồn vốn của SOVI. Tỷ trọng nợ năm 2017 chiếm 62,26% tăng 6,2% so với năm 2016. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đều tăng, tuy nhiên, vốn chủ sở hữu tăng chậm hơn nợ phải trả, cụ thể, nợ phải trả tăng 163 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tăng 23 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty đã tập trung đầu tư thêm máy móc thiết bị từ khoản vay. Từ đó, cho thấy Công ty đang tập trung việc phát triển hoạt động sản xuất của mình theo hướng hiện đại hóa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong tương lai.

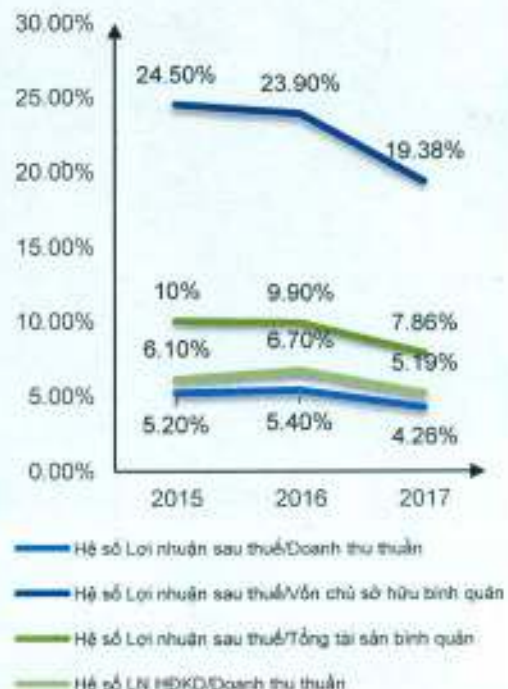
Năng lực hoạt động

Trong năm 2017, vòng quay hàng tồn kho giảm 1,05 vòng so với năm 2016. Nguyên nhân là do Công ty tăng cường tích trữ nguyên vật liệu tồn kho và thành phẩm để phục vụ cho nhu cầu tăng cao vào dịp cuối năm, đặc biệt là dịp Tết. Ngoài ra, để phòng ngừa rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu nên Công ty đã chủ động lập kế hoạch dự trữ, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu để hoạt động sản xuất diễn ra ổn định và đạt được kết quả tốt. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân năm 2017 tăng nhẹ lên mức 1,84 lần, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đang có diễn biến tích cực.



Khả năng sinh lời

Năm 2017 là một năm đầy biến động đối với các doanh nghiệp ngành giấy, SOVI cũng không ngoại lệ. Giá nguyên vật liệu chính của Công ty là giấy cuộn đã tăng giá đột biến chủ yếu là do các thương nhân Trung Quốc thu mua với giá cao và số lượng lớn. Giá giấy cuộn tăng cao hơn so với giá bán đã ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, so với năm 2016, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 1,6 tỷ cũng góp phần làm giảm lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, trong năm 2017, Công ty đã tập trung đầu tư, cải thiện máy móc, thiết bị nhằm nâng cao hiệu suất sản xuất, để giảm thiểu tối đa chi phí và xây dựng kế hoạch đối phó với việc thiếu nguồn nguyên liệu trong thời gian tới.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ phần

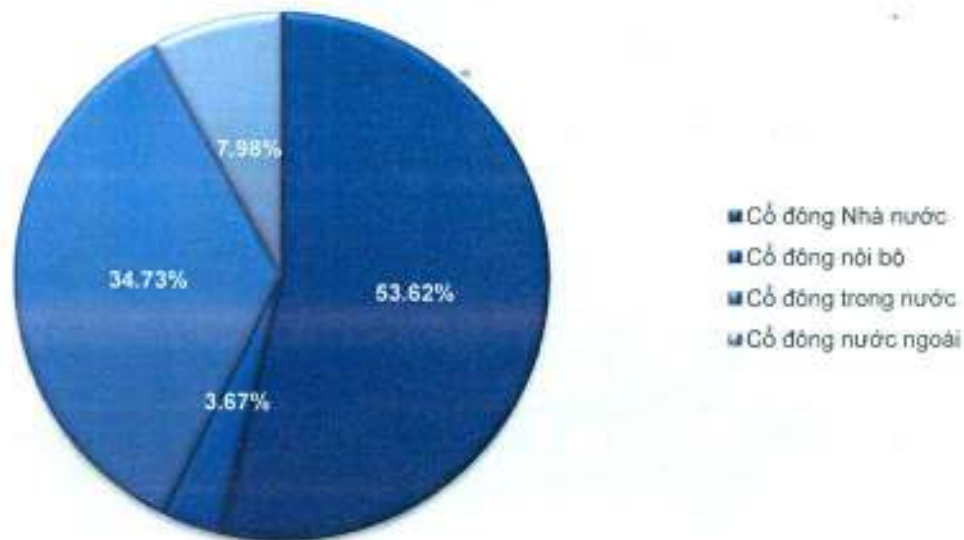
Nội dung	Cổ phần
Tổng số lượng cổ phần	12.832.437 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần thường
Số lượng cổ phần đang lưu hành	12.832.437 cổ phần
Số lượng cổ phần Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	6.880.393	53,62%
II	Cổ đông nội bộ	470.984	3,67%
III	Cổ đông trong nước	4.556.891	34,73%
1	Cá nhân	3.812.158	29,71%
2	Tổ chức	644.733	5,02%
IV	Cổ đông nước ngoài	1.024.169	7,98%
1	Cá nhân	449.829	3,50%
2	Tổ chức	574.340	4,48%
V	Cổ phiếu quỹ	0	0%
TỔNG CỘNG		12.832.437	100,00%

Cơ cấu cổ đông





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Báo cáo quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cấu thành của quá trình sản xuất (sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động), trong đó nội dung cơ bản của đối tượng lao động là nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu còn là yếu tố cấu thành nên thực thể của sản phẩm, chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Vì vậy, trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng kiểm tra, rà soát để xây dựng hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm:

- Công ty sử dụng giấy cuộn để sản xuất sản phẩm bao bì carton và giấy cuộn duplex để sản xuất giấy in offset. Tổng khối lượng giấy sử dụng trong năm 2017 là: 98.983 tấn.
- Nguyên liệu giấy thải ra trong năm 2017 khoảng 11.940 tấn giấy phế liệu. Công ty chuyển bán toàn bộ Công ty Giấy An Bình để tái chế lại với tỷ lệ chiếm 100%.

Tiêu thụ nước:

- Sử dụng 100% nguồn nước sạch từ Công ty TNHH MTV cấp nước Đồng Nai. Năm 2017, tổng lượng nước sử dụng là: 50.733m³/năm.
- Phân xưởng Xeo sử dụng nước đã qua hệ thống xử lý nước thải nội tại Phân xưởng. Tổng lượng nước tuần hoàn tái sử dụng: ~ 28.000 m³/năm.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật, mà đây còn là trách nhiệm bảo vệ môi trường, đặc biệt là với SOVI. Những hoạt động sản xuất của Công ty đều tác động tới môi trường. Nhân thức được điều đó, trong năm 2017, Công ty tuân thủ đúng luật pháp và các quy định về môi trường, không bị xử phạt vi phạm.

- Những dự án, đề án mà Công ty đã và đang tiến hành đều nhận được xác nhận đăng ký phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của UBND, điển hình như: Dự án "Sản xuất hộp giấy offset, công suất 7.500 tấn/năm tại phân xưởng Offset", dự án "Lò hơi đốt củi công suất 1,5 tấn hơi/ giờ tại Khu công nghiệp TP. Biên Hòa, Đồng
- Môi trường không khí ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sức khỏe cộng đồng, nhưng hiện nay môi trường không khí đang bị ô nhiễm một cách nghiêm trọng và cần được bảo vệ. Nhận thức được vấn đề đó, trong quy trình sản xuất, Công ty sử dụng mùn cưa là nhiên liệu đốt làm phát sinh khí thải, bụi. Cùng với việc kết hợp đốt đá vôi ở nhiệt độ thấp (850 – 950°C) đã giảm thiểu nồng độ khí NO_x và SO₂ phát sinh. Ngoài ra, bụi và khí thải sẽ được thu gom và xử lý triệt để. Nhờ đó mà chất lượng môi trường không khí xung quanh tại vị trí đo đặc đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc đạt theo QCVN 24/2016/TT-BYT và QCVN 26/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế.
- Công nghiệp sản xuất giấy chiếm vị trí khá quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp, dịch vụ khác, nhu cầu về các sản phẩm giấy ngày càng tăng. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích đạt được to lớn về kinh tế - xã hội, ngành công nghiệp này cũng phát sinh nhiều vấn đề môi trường bức xúc cần phải giải quyết, đặc biệt là nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất, đây là loại nước thải rất khó xử lý. Để đảm bảo chất lượng nguồn nước, Công ty phân tách mạng lưới nước thành hai hệ thống gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải.
 - Mạng lưới thoát nước thải:
Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm và 75 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).
 - Mạng lưới thoát nước mưa:
Nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đầu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của Khu Công nghiệp Biên Hòa 1. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, mạng lưới thoát nước mưa được đảm bảo thoát

Chính sách liên quan đến người lao động

Người lao động chính là yếu tố quyết định của quá trình sản xuất vật chất vì tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất đều cần có bàn tay và khối óc của con người. Bởi vậy, để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, người lao động chính là yếu tố then chốt, giữ vai trò quan trọng bậc nhất. Bên cạnh đó, trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa, nguồn nhân lực không ngừng biến đổi và phát triển để đáp ứng như cầu ngày càng cao của sự phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới.



Số giờ đào tạo:

Nhân viên	Giờ	Ghi chú
Quản lý cấp Trung cao	12 -20	
Chuyên viên; Tổ trưởng	20	
Nhân viên thừa hành; phục vụ	20	
Công nhân sản xuất	20	

Trong hoạt động đào tạo nhân viên, Công ty tổ chức nhiều chương trình huấn luyện bên trong và bên ngoài, trong đó có các chương trình như sau:

- Chương trình đào tạo ISO 9001 : 2015, đào tạo nguyên tắc vận hành; hướng dẫn công việc và ghi chép biểu mẫu chính yếu hệ thống ISO 9001:2015.
- Chương trình huấn luyện về kế toán quốc tế IFRS và quản trị kho vật tư, hàng hóa.
- Chương trình hướng dẫn công việc ở phân xưởng offset và phân xưởng carton.
- Chương trình huấn luyện 5S, Vệ sinh an toàn lao động, sơ cấp cứu, tập huấn PCCC.
- Chương trình hướng dẫn vận hành các loại máy, thiết bị, phương tiện sản xuất.
- Chương trình đào tạo nâng cao để phát triển sự nghiệp cho người lao động như: kỹ năng thuyết trình, bán hàng chuyên nghiệp, bảo trì thiết bị máy móc.



Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực.

- Tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động; chấp hành tiêu chuẩn, các biện pháp làm việc an toàn và đấu tranh với những hiện tượng làm bừa, làm ẩu, vi phạm quy trình kỹ thuật an toàn.
- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động phù hợp từng loại máy, thiết bị kể cả khi mới đổi mới công nghệ theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Thực hiện tốt các nội dung đào tạo nâng cao tay nghề kết hợp với huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động.
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của Nhà nước.
- Trang bị thiết bị sơ cấp cứu để xử lý kịp thời các sự cố. Đồng thời, chuẩn bị các phương án cấp cứu tai nạn lao động nhằm bảo đảm sơ cấp cứu hiệu quả trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp là một biểu hiện của đạo đức kinh doanh, là việc thực hiện hóa các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức kinh doanh thành những hành động thực tế, đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Nhiều năm qua, SOVI xác định các dự án trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Trong đó, Công ty xác định, phạm vi thực hiện dự án là hướng đến cộng đồng chung, nhất là địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Theo đó, Công ty đã có các hoạt động phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất/ chất thải nguy hại như lưu giữ và vận chuyển chất thải đúng cách, có bảng an toàn để nhận biết, trang bị thiết bị ứng cứu phòng ngừa kịp thời. Phòng ngừa sự cố cháy nổ bằng cách trang bị hệ thống PCCC đúng quy định, bố trí hệ thống hợp lý an toàn.





CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch hoạt động trong năm 2018

Kế hoạch kinh doanh năm 2018 – 2020

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan trong những tháng cuối năm 2017. Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cải thiện rõ rệt, các nước EU cũng phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng khá đồng. Bên cạnh đó, tại châu Á, kinh tế Nhật Bản và Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng, các nước ASEAN duy trì tăng trưởng khả quan. Ở trong nước, nền kinh tế đang trên đà phục hồi với tốc độ phát triển GDP cả năm 2017 đạt 6,81% vượt mục tiêu 6,7% đã đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 - 2016. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm chế, xuất nhập khẩu tăng là những nguồn lực quan trọng giúp Việt Nam tăng trưởng ổn định và nâng tầm trong khu vực.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam đang phải đối diện một số khó khăn và thách thức như năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, nợ xấu cho dù đã giảm nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để và trở thành vật cản cho dòng tin dụng và làm cho lãi suất khó có thể giảm sâu. Bên cạnh đó, cán cân thương mại có xu hướng tăng và thâm hụt ngân sách kéo dài có thể tạo rủi ro cho công tác điều hành tỷ giá. Ngoài ra, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp.

Nhận diện được những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế cũng như của riêng SOVI, trong công tác quản lý và điều hành, lãnh đạo Công ty đã có những quyết định kịp thời, linh hoạt nhằm đảm bảo sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn với kết quả đạt được như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

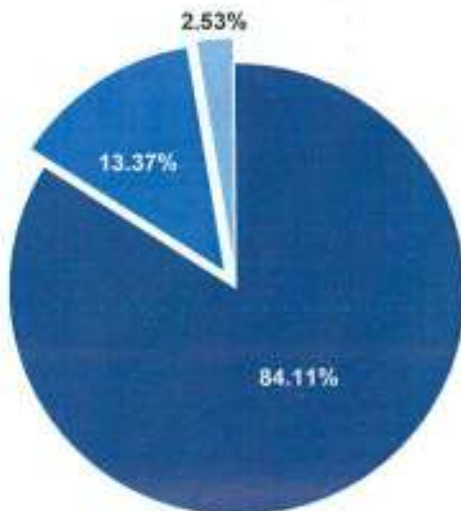
Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	1.003.373	1.130.701	1.341.456	1.381.740	1.554.386
Lợi nhuận từ HĐKD	69.618	73.665	82.447	92.225	80.727
Lợi nhuận trước thuế	70.064	75.409	84.007	93.380	83.007
Lợi nhuận sau thuế	67.336	64.319	69.326	74.656	66.260

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

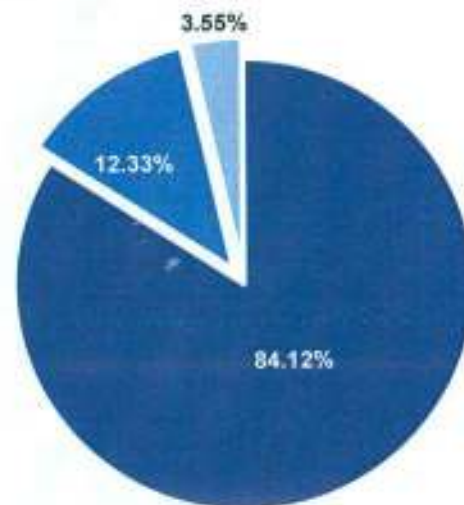
Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	1.162.229	84,11%	1.307.520	84,12%
Bao bì Offset	184.676	13,37%	191.668	12,33%
Khác	34.835	2,53%	55.198	3,55%
Tổng cộng	1.381.740	100%	1.554.386	100,00%

Năm 2016



■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác

Năm 2017



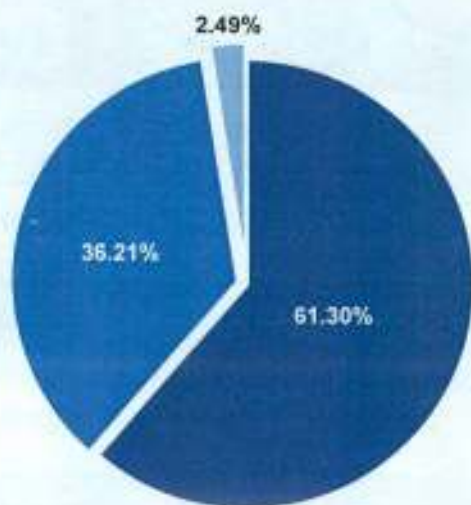
■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: Triệu đồng

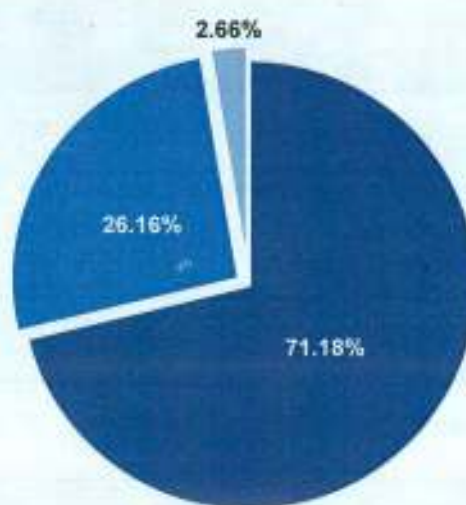
Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	111.550	61,30%	130.769	71,18%
Bao bì Offset	65.889	36,21%	48.061	26,16%
Khác	4.527	2,49%	4.889	2,66%
Tổng cộng	181.966	100%	183.719	100%

Năm 2016



• Bao bì Carton • Bao bì Offset • Khác

Năm 2017



• Bao bì Carton • Bao bì Offset • Khác



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



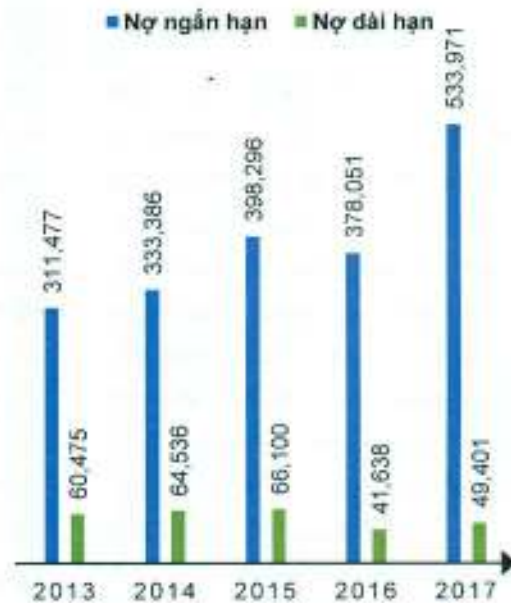
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng cộng tài sản	610.872	669.385	758.795	749.980	936.962
Tài sản ngắn hạn	399.174	466.448	541.774	537.299	689.927
Tài sản dài hạn	211.698	202.937	217.022	212.680	247.035
Tổng vốn chủ sở hữu	238.921	271.464	294.399	330.291	353.590
Nợ ngắn hạn	311.477	333.386	398.296	378.051	533.971
Nợ dài hạn	60.475	64.536	66.100	41.638	49.401

Tình hình Nợ

Đến cuối năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 583.372 triệu đồng, tăng 155.920 triệu đồng tương ứng tăng 41,24% so với năm 2016. Vào thời điểm cuối năm, nhu cầu tiêu thụ bao bì tăng cao do các công ty tập trung để cung ứng cho dịp Lễ, Tết. Vì vậy, SOVI chủ động dự trữ nguyên vật liệu làm các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 128.246 triệu đồng. Điều này đã làm nợ ngắn hạn của Công ty tăng.

Nợ dài hạn năm 2017 tăng 7.763 triệu đồng tương ứng tăng 18,64% so với năm 2016. Nguyên nhân là do Công ty cũng tập trung đầu tư máy móc, thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm từ các khoản vay tài chính.



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



Tình hình tài sản

Tài sản ngắn hạn năm 2017 đạt 689.927 triệu đồng, tăng 152.628 triệu đồng tương ứng tăng 28,41% so với năm 2016. Nguyên nhân là do khoản phải thu của khách hàng tăng 64.914 triệu đồng, cùng với việc Công ty gia tăng dự trữ nguyên liệu giấy để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong những tháng cuối năm cũng như hạn chế rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào, khiến cho hàng tồn kho tăng hơn 50% so với năm 2016.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 247.035 triệu đồng, tăng 34.355 triệu đồng tương ứng tăng 16,15% so với năm 2016.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Duy trì và cải tiến

Công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả, kết quả tiết kiệm được gần 2 tỷ đồng. Tiếp tục duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, năng suất lao động, v.v... Bên cạnh đó, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường để nâng cao hiệu quả cho hệ thống quản lý.

Cải tiến tổ chức nhân sự

Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua nhiều hình thức đào tạo bên trong lẫn bên ngoài hoặc mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty mời Hội Anh văn Việt Mỹ (VUS) đào tạo ngoại ngữ, để cán bộ, nhân viên tự tin làm việc với đối tác nước ngoài. Công tác tuyển dụng vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đối với những công đoạn sản xuất gián đoạn nhằm tiết giảm chi phí Công ty tiếp tục tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ.



Chính sách tiêu thụ sản phẩm

Tiếp tục tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng nhằm tìm kiếm khách hàng. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng để dành thị phần chủ lực của khách hàng VIP như: Masan, Unilever, Pepsico, Cocacola, Nestlé, Sygenta, Hyosun, Bia Sài Gòn, Tập đoàn IKEA v.v... Kịp thời bổ sung nhân lực cho bộ phận chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng và thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Duy trì giao chỉ tiêu doanh số cho từng nhân viên bán hàng để đảm bảo mục tiêu Công ty và động lực phấn đấu của nhân viên. Tuy nhiên, việc đánh giá tiêu thụ sản phẩm hàng tháng vẫn chưa phân tích đầy đủ các nguyên nhân cốt lõi nên giải pháp đưa ra còn chưa phù hợp.

Công tác quản lí chất lượng

Phần lớn khách hàng chuyển từ đóng gói bao bì thủ công sang đóng gói tự động nên các tiêu chí chất lượng sản phẩm thay đổi và tăng cao. Công ty cố gắng duy trì và cải tiến hệ thống quản lí chất lượng sản phẩm để bắt kịp yêu cầu đổi mới từ phía khách hàng. Tuy nhiên, do mới cải tiến, vẫn còn sai sót nên đôi khi xảy ra tình trạng khách hàng phản nản về chất lượng sản phẩm.



VIATION





KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Tình hình thế giới năm 2018 được dự báo vẫn có chiều hướng tích cực. Thế giới cũng đối mặt với nhiều rủi ro lớn, đặc biệt liên quan đến địa chính trị, xu hướng bảo hộ gia tăng, v.v... Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi như môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, v.v..., vẫn còn nhiều hạn chế như: năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh còn thấp, sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cùng với đó, thị trường bao bì giấy tại Trung Quốc biến động khó lường, đặc biệt là một số chính sách của Trung Quốc thay đổi từ ngày 1/1/2018 theo đó Trung Quốc ngừng hoàn toàn việc nhập khẩu giấy phế liệu không được phân loại cũng như quy định tạp chất lẫn trong giấy phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất không quá 0,3% (hiện tại là 1,5%). Những chính sách mới của Trung Quốc trong việc quản lý nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và kiểm soát ô nhiễm, v.v... đã tác động tới thị trường Việt Nam.

Với bối cảnh dự báo nền kinh tế như trên, cộng với khả năng và nguồn lực sẵn có của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Bao Bì Biên Hòa như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
Sản lượng	tấn	87.100
▲ Bao bì carton	tấn	80.500
▲ Bao bì in offset	tấn	6.600
Doanh thu	triệu đồng	1.550.000
Lợi nhuận	triệu đồng	85.000
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	12.5
Đầu tư	triệu đồng	21.000
Nợ Ngân sách	triệu đồng	53.004

Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Tập trung hoàn tất giải pháp ứng dụng phần mềm ERP của INFOR trong công tác quản trị sản xuất và điều hành và đưa vào sử dụng đầu năm 2018 nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc của từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.
- Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:
 - Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng, cần thiết và khả thi.
 - Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện.
 - Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
 - Tuân thủ điều tra nguyên nhân theo 3M (hiện trường, hiện trạng, hiện vật) & hành động khắc phục phòng ngừa. Duy trì hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường thông qua việc tổ chức hoạt động marketing độc lập để nghiên cứu thị trường, khách hàng. Củng cố lại đội ngũ bán hàng, nâng cao kỹ năng bán hàng, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Từ đó, mở rộng khách hàng mới và duy trì thị phần đối với khách hàng cũ nhằm đạt hoặc vượt kế hoạch đặt ra về doanh số. Tiếp tục triển khai chính sách giám giá bán phù hợp để gia tăng sản lượng, tăng doanh thu.
- Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý và cạnh tranh so với đối thủ trên thị trường; qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức NVL; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của máy móc thiết bị, v.v... nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của Công ty.
- Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và đào tạo các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018 - 2020

Chi tiêu	2018	2019	2020
Sản lượng			Đơn vị: Tấn
Bao bì Carton	80.500	85.000	90.000
Bao bì in offset	6.600	7.000	8.000
			Đơn vị: triệu đồng
Tổng doanh thu	1.550.000	1.640.000	1.750.000
Lợi nhuận trước thuế	85.000	92.000	105.000
Đầu tư XDCB	21.000	30.000	250.000
Thu nhập bình quân	12,5	13,0	13,5
Cổ tức	15%	15%	15%



Những thành tích đạt được trong năm 2017

STT	Danh hiệu đạt được	Thành tích đạt được	Tổ chức	Thời gian
01	Bảng khen	Thực hiện tốt chính sách thuế năm 2016	Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Tháng 8/2017
02	Top 100	Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt Nam (FAST 500)	Vietnam Report	Tháng 2/2017
03		Danh hiệu Thương Hiệu Việt năm 2017	Brand Finance Việt Nam	Tháng 12/2017



KỶ NIỆM CHƯƠNG CỤC THUẾ ĐỒNG NAI



GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Ô nhiễm không khí không nhìn thấy được nhưng lại có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người. Trong quy trình sản xuất, Công ty sử dụng mùn cưa tạo ra khói bụi nên sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường không khí cũng như bảo vệ sức khỏe con người, Công ty đã tiến hành thu gom và xử lý triệt để bụi và khí thải, nhờ đó mà chất lượng môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - cột B với $K_v=0,8$, $K_p=1,0$.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, bụi và nhiệt thừa phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Thực hiện thông thoáng nhà xưởng, các chỉ tiêu chất lượng khí được đo đạc và phân tích trong đợt quan trắc môi trường đều đạt TCVS 3733:2002, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 24/2016/TT-BYT, QCVN 26/2016/TT-BYT và QCVN 20:2009/BTNMT.

Bên cạnh những lợi ích đạt được to lớn về kinh tế - xã hội, ngành công nghiệp sản xuất giấy cũng phát sinh nhiều vấn đề môi trường cần phải giải quyết, đặc biệt là nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất, đây là loại nước thải rất khó xử lý. Để đảm bảo chất lượng nguồn nước thải ra môi trường xung quanh, Công ty phân tách mạng lưới nước thành hai hệ thống gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải.

Mạng lưới thoát nước thải:

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm và 75 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).

Mạng lưới thoát nước mưa:

Nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đầu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của Khu Công nghiệp Biên Hòa 1. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, mạng lưới thoát nước mưa được đảm bảo thoát nước kịp thời.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động chính là yếu tố quyết định của quá trình sản xuất vật chất vì tất cả các yếu tố của quá trình sản xuất đều cần có bàn tay và khối óc của con người. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, phúc lợi đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Cụ thể là hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như đi nghỉ mát trong và ngoài nước tùy theo kết quả công hiến

Ngoài ra, đảm bảo an toàn cho người lao động là một việc rất quan trọng, vì vậy, Công ty đã xây dựng các quy trình vận hành, kế hoạch bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện công tác bảo hộ lao động tại các phân xưởng sản xuất. Đồng thời, Công ty tổ chức tuyên truyền cũng như huấn luyện và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như quần áo, nón, kính, v.v... nhằm đảm bảo an toàn



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng

Nhiều năm qua, SOVI xác định các dự án trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Công ty đã có các hoạt động phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất, chất thải nguy hại như bảo quản, lưu giữ và vận chuyển chất thải đúng cách, có bảng an toàn dễ nhận biết, trang bị thiết bị ứng cứu phòng ngừa kịp thời. Bên cạnh đó, chất thải sau khi được phân loại, thu gom và lưu trữ với số lượng nhiều được giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia vào hoạt động xã hội như hỗ trợ các trẻ em nghèo vượt khó, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng...



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



SOVI
bien hoo pcc





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam trên đã phục hồi và phát triển. Cụ thể, tổng sản phẩm quốc nội GDP đạt mức 6,81%, cao nhất trong nhiều năm qua, lạm phát ở mức thấp.

Tăng trưởng bình quân ngành bao bì giấy khoảng 9% so với năm 2016. Bên cạnh đó, quan hệ cung cầu thay đổi mạnh, nguồn cung quá nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá bán và thị phần. Các đối thủ cạnh tranh chào giá bán thấp hơn giá của SOVI từ 5 - 7% để giành đơn hàng khiến cho Công ty phải giảm giá bán để duy trì mối quan hệ với khách hàng. Ngoài ra, trong năm 2017, những chính sách thắt chặt, bảo vệ môi trường của Chính phủ Trung Quốc, nơi được biết đến là thị trường giấy lớn nhất thế giới, làm cho nguồn cung bao bì giấy thiếu hụt trầm trọng. Điều này đã tác động mạnh đến thị trường giấy Việt Nam, khiến cho giá giấy OCC – nguyên liệu chính để sản xuất bao bì giấy tăng mạnh, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Đội ngũ CBCNV của Công ty năm qua đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/ giảm	% Tăng/ giảm
Doanh thu thuần	1.381.740	1.554.386	172.646	12,49%
Lợi nhuận từ HĐKD	92.225	80.727	-11.498	-12,47%
Lợi nhuận trước thuế	93.380	83.007	-10.373	-11,11%
Lợi nhuận sau thuế	74.656	66.260	-8.396	-11,25%
Lợi nhuận gộp	181.966	183.719	1.753	0,96%



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Sau một năm hoạt động với áp lực cạnh tranh về giá bán rất gay gắt, nhiều đối thủ cạnh tranh giảm giá bán sâu để đạt được đơn hàng, vì vậy ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, khách hàng cũng yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đòi hỏi sự nỗ lực phục vụ rất lớn mới đáp ứng kịp thời được yêu cầu của khách hàng. Đặc biệt là giá giấy – nguyên liệu đầu vào chính của sản phẩm tăng liên tục và đột biến (gần 100% so với đầu năm) làm cho chi phí giá thành tăng cao. Trước tình hình đó, Ban Giám đốc đã rất cố gắng thể hiện tốt vai trò điều hành để duy trì tốc độ tăng trưởng cũng như đảm bảo kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra trong năm ít bị ảnh hưởng nhất. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm như đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí để giảm giá thành sản phẩm, v.v... Với kinh nghiệm điều hành cũng như gần bó lâu năm với Công ty, trải qua những thay đổi hay sự cố bất ngờ trong năm vừa qua nhưng Ban Giám đốc vẫn liên tục đưa ra những đánh giá và nhận định phù hợp, qua đó kịp thời phản ứng và giữ vững được đà phát triển của Công ty. Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đến Ban Giám đốc như sau :

- Chỉ đạo điều hành, phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý. Thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình SXKD – tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2017.
- Giám sát thực hiện đầu tư một số tài sản theo phương hướng kế hoạch SXKD năm 2017 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 thông qua ngày 31/03/2017.
- Trực tiếp chỉ đạo, định hướng SXKD tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.
- Chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban Giám đốc kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và chuyên nghiệp;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đặc biệt là công tác quản lý công ty nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Trần Trang Bình	CT HĐQT	01/01/2016	53	100%
2	Ông Phạm Văn Điều	PCT HĐQT	29/03/2013	53	100%
3	Ông Trần Hữu Đức	TV HĐQT	01/01/2016	53	100%
4	Bà Nguyễn Thanh Ngân	TV HĐQT	29/03/2013	53	100%
5	Ông Đặng Ngọc Diệp	TV HĐQT	29/03/2013	53	100%
6	Ông Hoàng Ngọc Lựu	TV HĐQT	29/03/2013	53	100%
7	Ông Nguyễn Hoàng	TV HĐQT	29/03/2013	53	100%



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty có những nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ – HĐQT/ 2017	03/01/2017	Bỏ nhiệm giám đốc Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với ông Phạm Văn Điều
2	02/QĐ-HĐQT/2017	03/01/2017	Bỏ nhiệm quyền giám đốc chi nhánh công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với ông Hoàng Ngọc Lựu.
3	03/QĐ-HĐQT/2017	03/01/2017	Miễn nhiệm giám đốc công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đối với ông Lê Quốc Tuyền.
4	04/QĐ-HĐQT/2017	11/01/2017	Phê duyệt dự án đầu tư bổ sung một số thiết bị sản xuất bao bì Offset và Carton năm 2017.
5	01/NQ-HĐQT/2017	08/02/2017	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 và chọn thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
6	05/QĐ-HĐQT/2017	12/02/2017	Cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị tại nhà máy Xeo giấy.
7	05a/QĐ-HĐQT/2017	16/02/2017	Phê duyệt cho phép mở thầu gói thầu cung cấp thiết bị ghi băng in Flexo trực tiếp từ máy tính đến băng in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất cao.
8	05b/QĐ-HĐQT/2017	21/02/2017	Phê duyệt kết quả danh sách nhà thầu đáp ứng HSĐXKT gói thầu cung cấp thiết bị ghi băng in Flexo trực tiếp từ máy tính đến băng in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất cao.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	02/NQ-HĐQT/2017	03/03/2017	Thông qua BCTC năm 2016 đã được kiểm toán; chương trình ĐHCĐ; các quy chế tổ chức đại hội và các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2017.
10	06/QĐ-HĐQT/2017	03/03/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp thiết bị ghi băng in Flexo trực tiếp từ máy tính đến băng in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất cao.
11	07/QĐ-HĐQT/2017	28/03/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu gói thầu cải tạo, lắp đặt mới hệ thống chữa cháy vách tường & màng ngăn cháy.
12	08/QĐ-HĐQT/2017	30/03/2017	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu cải tạo, lắp đặt mới hệ thống chữa cháy vách tường & màng ngăn cháy.
13	09/QĐ-HĐQT/2017	01/04/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu gói thầu cung cấp lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền.
14	10/QĐ-HĐQT/2017	03/04/2017	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu cung cấp lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền.
15	11/QĐ-HĐQT/2017	04/04/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy bẻ thùng Carton và gỡ rêu tự động.
16	12/QĐ-HĐQT/2017	04/04/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy tráng phủ UV tự động.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
17	13/QĐ-HĐQT/2017	15/04/2017	Phê duyệt giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy bẻ thùng Carton và gỡ rêu tự động.
18	14/QĐ-HĐQT/2017	15/04/2017	Phê duyệt giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy tráng phủ UV tự động.
19	15/QĐ-HĐQT/2017	15/04/2017	Phê duyệt HSMT & TCDG lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy bẻ thùng Carton và gỡ rêu tự động.
20	16/QĐ-HĐQT/2017	15/04/2017	Phê duyệt HSMT & TCDG lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy tráng phủ UV tự động.
21	17/QĐ-HĐQT/2017	17/04/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
22	18/QĐ-HĐQT/2017	18/04/2017	Phê duyệt giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
23	18a/QĐ-HĐQT/2017	21/04/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục cải tạo, mở rộng khu vực thành phẩm & kho cơ điện tại PX Offset.
24	19/QĐ-HĐQT/2017	28/04/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cải tạo, lắp đặt mới hệ thống chữa cháy vách tường & màng ngăn cháy.
25	19a/QĐ-HĐQT/2017	29/04/2017	Phê duyệt HSMT & TCDG lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
26	03/NQ-HĐQT/2017	04/05/2017	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 1 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2.2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
27	19b/QĐ-HĐQT/2017	04/05/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền.
28	20/QĐ-HĐQT/2017	06/05/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và HSMT gói thầu cải tạo, mở rộng khu vực thành phẩm & kho cơ điện tại PX Offset.
29	21/QĐ-HĐQT/2017	09/05/2017	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu cải tạo, mở rộng khu vực thành phẩm & kho cơ điện tại PX Offset.
30	22/QĐ-HĐQT/2017	02/06/2017	Phê duyệt cho phép mở thầu để tiến hành đánh giá các gói thầu cung cấp máy bẻ thùng carton & gờ rờ tự động; máy tráng UV tự động.
31	23/QĐ-HĐQT/2017	15/06/2017	Thành lập dự án tại KCN Lộc An – Bình Sơn tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
32	23a/QĐ-HĐQT/2017	01/07/2017	Bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa
33	24/QĐ-HĐQT/2017	05/07/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp máy cột tự động.
34	04/NQ-HĐQT/2017	26/07/2017	Thông qua tạm ứng cổ tức 10% đợt 1.2017
35	05/NQ-HĐQT/2017	27/07/2017	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3.2017
36	24a/QĐ-HĐQT/2017	14/09/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư xa năng điện 1,5 tấn cho tổ kho thành phẩm Carton.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
37	24b/QĐ-HĐQT/2017	18/09/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu đầu tư xe nâng điện 1,5 tấn cho tổ kho thành phẩm Carton.
38	25/QĐ-HĐQT/2017	18/09/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư lắp đặt kệ kho thành phẩm Carton.
39	25a/QĐ-HĐQT/2017	22/09/2017	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu xe nâng điện 1,5 tấn cho tổ kho thành phẩm Carton.
40	26/QĐ-HĐQT/2017	22/09/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu đầu tư lắp đặt kệ kho thành phẩm Carton.
41	27/QĐ-HĐQT/2017	23/09/2017	Phê duyệt giá kế hoạch cho gói thầu lắp đặt kệ kho thành phẩm Carton.
42	06/NQ-HĐQT/2017	05/10/2017	Thông qua bản cổ phiếu quỹ.
43	28/QĐ-HĐQT/2017	13/10/2017	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu lắp đặt kệ kho thành phẩm Carton.
44	28a/QĐ-HĐQT/2017	26/10/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư cung cấp máy đo Ring Crush giấy công suất 500kg cho phòng thử nghiệm.
45	28b/QĐ-HĐQT/2017	27/10/2017	Phê duyệt dự án đầu tư bổ sung một thiết bị để nâng cao chất lượng, định mức và năng suất tại các khâu máy 2018.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
46	07/NQ-HĐQT/2017	30/10/2017	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4.2017. Thông qua tạm ứng cổ tức 15% đợt 2.2017.
47	29/QĐ-HĐQT/2017	30/10/2017	Phê duyệt kết quả đầu thầu gói thầu xe nâng điện 1,5 tấn cho tổ kho thành phẩm Carton.
48	30/QĐ-HĐQT/2017	06/11/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu cung cấp máy đo Ring Crush giấy công suất 500kg cho phòng thử nghiệm.
49	31/QĐ-HĐQT/2017	09/11/2017	Phê duyệt giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp máy đo Ring Crush giấy công suất 500kg cho phòng thử nghiệm.
50	32/QĐ-HĐQT/2017	24/11/2017	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu cung cấp xe kẹp 4,5 tấn cho tổ kho giấy cuộn.
51	33/QĐ-HĐQT/2017	01/12/2017	Phê duyệt giá kế hoạch cho gói thầu xe kẹp 4,5 tấn cho tổ kho giấy cuộn.
52	34/QĐ-HĐQT/2017	08/12/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp máy đo Ring Crush giấy công suất 500kg cho phòng thử nghiệm.

Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về Quản trị công ty

- Ông Trần Trang Bình – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty
- Ông Phạm Văn Điều – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
- Bà Nguyễn Thanh Ngân - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty
- Ông Hoàng Ngọc Lưu - Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Ngọc Diệp - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Hữu Đức – Thành viên HĐQT





BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát viên

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lý Phát	Trưởng BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	4	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	TV BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	4	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hương	TV BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	4	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban Kiểm Soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị trong các kỳ họp định kỳ. Định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành kiểm tra các tờ trình của Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.
- HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.




**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**
Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả (các khoản thưởng tính vào lương)	Thưởng
1	Hội đồng quản trị			
1.1	Phạm Văn Điều	418.582.760	382.187.983	154.471.177
1.2	Trần Trang Bình	434.319.288	409.215.577	171.634.641
1.3	Nguyễn Thanh Ngân	-	-	128.725.981
1.4	Nguyễn Hoàng	261.401.775	233.717.949	128.725.981
1.5	Hoàng Ngọc Lưu	299.944.126	248.940.044	128.725.981
1.6	Đặng Ngọc Diệp	308.254.500	288.598.025	128.725.981
1.7	Trần Hữu Đức	-	-	128.725.981
2	Ban kiểm soát			
2.1	Lý Phát	180.949.074	162.137.783	107.271.650
2.2	Nguyễn Thị Hương	109.756.027	101.491.386	64.362.990
2.3	Nguyễn Thị Thanh Trúc	-	-	85.817.321
3	Ban Giám đốc			
3.2	Phạm Văn Điều	418.582.760	382.187.983	154.471.177
3.3	Trần Trang Bình	-	409.215.577	171.634.641
3.4	Đặng Ngọc Diệp	308.254.500	288.598.025	128.725.981
3.5	Hà Văn Sơn	307.154.019	291.937.797	-

Giao dịch cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hương	Người nội bộ	15.323	0,119%	6.103	0,04%	Giải quyết việc riêng

Giao dịch giữa Công ty và cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Ghi chú
01	ANDBANC INVESTMENTS SIF – VIET NAM VALUE ANH INCOME PORTFOLIO	Cổ đông lớn	CA8744	4 rue Jean Monnet L-2180 Luxembourg	29/09/2017	

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2017





CTA
190 N/A



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 39
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	40

Minh chứng kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Trang Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lưu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lý Phát	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Điều	Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Ông Hà Văn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Trần Trang Bình
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2018



RSM Vietnam

 Tầng 5, Tòa nhà Saigon 3
 180 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kỳ
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: +84 8 3627 5025

F: +84 8 3627 5027

www.rsm.vn

Số: 18.128/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
 Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

 THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
 AUDIT | TAX | CONSULTING



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2018-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		689.927.270.935	537.299.201.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	58.470.278.531	42.335.967.916
1. Tiền	111		43.470.278.531	17.335.967.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(4.2)	50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.582.564.211	300.668.540.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	338.648.158.697	273.596.211.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	27.595.743.938	24.843.643.207
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	2.048.549.324	2.804.319.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.6)	(709.867.748)	(575.634.638)
IV Hàng tồn kho	140		214.075.965.915	142.190.499.493
1. Hàng tồn kho	141	(4.7)	214.075.965.915	142.190.499.493
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.798.462.278	2.104.194.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.12)	732.160.748	909.563.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.694.934	1.194.630.798
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.14)	1.029.606.598	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.035.057.650	212.680.457.817
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.287.095.000	2.278.576.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	1.287.095.000	2.278.576.000
II. Tài sản cố định	220		202.016.261.880	162.312.217.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	193.065.932.048	148.765.120.722
Nguyên giá	222		505.300.125.104	426.638.689.964
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.234.193.056)	(277.871.569.242)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(4.9)	8.484.537.132	12.938.891.846
Nguyên giá	225		22.271.773.550	35.235.817.028
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.787.236.418)	(22.296.925.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(4.10)	465.792.700	608.205.000
Nguyên giá	228		2.156.334.089	2.060.072.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.690.541.389)	(1.471.867.089)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(4.11)	2.773.339.276	5.455.345.121
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.773.339.276	5.455.345.121
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250			4.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.958.361.494	38.634.319.128
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.12)	39.404.494.835	36.545.774.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.553.866.659	2.088.545.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		936.962.328.585	749.979.659.691

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		583.372.123.902	419.688.815.601
I. Nợ ngắn hạn	310		533.970.660.254	378.051.092.828
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.13)	260.864.443.899	132.618.472.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		314.364.469	14.404.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.14)	950.163.113	4.168.332.011
4. Phải trả người lao động	314	(4.15)	34.136.344.722	33.800.516.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.16)	8.710.782.364	6.345.063.120
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.17)	1.178.644.223	14.020.132.069
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.18)	218.678.999.685	179.235.878.958
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(4.19)	9.136.917.779	7.848.292.754
II. Nợ dài hạn	330		49.401.463.648	41.637.722.773
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.17)	140.000.000	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.18)	41.492.130.355	31.194.997.573
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(4.20)	7.769.333.293	10.442.725.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.590.204.683	330.290.844.090
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.21.1)	353.590.204.683	330.290.844.090
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(4.21.2)	128.324.370.000	128.324.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	
3. Cổ phiếu quỹ	415			(408.540.209)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.843.263.659	70.591.340.833
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.786.510.378	131.783.773.466
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		131.066.895.977	110.366.895.977
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.719.614.401	21.416.877.489
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		936.962.328.585	749.979.659.691



Trần Trang Bình
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Hoàng
Trưởng BP.Tài chính


Trần Xuân Định
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
 Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
 Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.564.407.374.634	1.381.782.969.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21.837.600	42.502.360
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(5.1)	1.564.385.537.034	1.381.740.467.581
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.2)	1.370.666.112.740	1.199.774.005.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.719.424.294	181.966.461.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.3)	4.422.215.330	6.011.171.944
7. Chi phí tài chính	22	(5.4)	11.564.888.046	10.058.155.370
Trong đó, chi phí lãi vay	23		11.526.672.209	9.519.715.282
8. Chi phí bán hàng	25	(5.5)	78.403.613.282	67.667.943.761
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.6)	17.446.712.099	18.026.425.574
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.726.626.197	92.226.109.201
11. Thu nhập khác	31	(5.7)	3.972.119.210	2.488.171.525
12. Chi phí khác	32		1.691.814.300	1.332.819.227
13. Lợi nhuận khác	40		2.280.304.910	1.155.352.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.006.931.107	93.380.461.499
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.9)	16.212.638.596	18.724.665.495
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		534.678.381	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		66.259.614.130	74.655.796.014
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.21.4)	4.293	4.782
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(4.21.4)	4.293	4.782



Trần Trang Bình
 Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2018


 Nguyễn Hoàng
 Trưởng BP. Tài chính


 Trần Xuân Định
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.006.931.107	93.380.461.499
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(5.8)	28.843.727.124	27.760.762.724
Các khoản dự phòng	03		(2.329.810.446)	18.990.322
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.804.404)	157.080.443
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.699.823.973)	(5.923.491.731)
Chi phí lãi vay	06	(5.4)	11.526.672.209	9.519.715.282
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		116.351.891.617	124.913.518.639
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63.361.851.920)	6.479.426.250
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.835.466.422)	(9.506.827.093)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		129.871.671.203	(20.190.951.850)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.544.790.511)	350.595.066
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.165.667.229)	(9.558.105.032)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.14)	(18.395.304.167)	(18.231.188.470)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.571.974.424)	(14.502.075.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.298.308.147	59.754.392.123
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(65.662.399.396)	(46.821.773.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		409.818.182	319.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.018.926.690	5.035.366.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.233.654.524)	(91.467.315.672)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.044.700.855	
2. Tiền thu từ đi vay	33	(6.1)	880.160.370.502	817.411.349.125
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.2)	(823.843.474.633)	(830.076.570.078)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(6.464.342.520)	(7.358.301.107)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.832.079.500)	(25.616.274.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.065.174.704	(45.637.796.060)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		16.129.828.327	(77.350.719.609)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		42.335.967.916	119.668.750.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.482.288	17.937.458
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(4.1)	58.470.278.531	42.335.967.916



Trần Trọng Bình
Chủ tịch HĐQT
Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Hoàng
Trưởng BP.Tài chính

Trần Xuân Định
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bi Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	68.803.930.000	54%
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	59.520.440.000	46%
Cộng	128.324.370.000	100%	128.324.370.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 777 (31/12/2016: 771).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bia;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Mỹ Phước	Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TNHH CTBC, Ngân hàng TNHH MTV ANZ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Hội đồng quản trị dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Khai báo chi tiết

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2017
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Khác	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

3.9. Thuế tài sản

Phân loại thuế tài sản

Thuế tài chính là thuế tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuế khác được phân loại là thuế hoạt động.

Thuế tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê với thời gian khấu hao là 05 năm.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

10/12/2017

10/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị; chi phí bản quyền phần mềm; chi phí thuê đất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí bản quyền Microsoft được phân bổ 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được phân bổ theo thời hạn thuê vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí vận chuyển, chi phí gia công, chi phí thuế thu nhập cá nhân, chi phí lãi vay... do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÍ BIÊN HÒA
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc lên đến có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định; thuê, phí, lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (phí ngân hàng, chi phí bảo hộ lao động, chi phí tiền ăn, chi phí hoạt động Đảng,...).

3.22. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÍ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
 Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	72.116.731	53.687.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.398.181.800	17.282.280.910
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	<u>58.470.278.531</u>	<u>42.335.967.916</u>

(*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đồng Nai, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5,30%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,15%/năm.

4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	72.047.682.731	70.958.596.497
Các khách hàng khác	263.467.549.668	201.194.518.705
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	1.132.926.300	1.445.097.478
Cộng	<u>336.648.158.697</u>	<u>273.596.211.680</u>

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 4.18.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu tư & Phát triển VRG Long Thành	19.865.482.000	9.865.482.000
Công ty TNHH Thiết bị chế biến điện tử Tân Long	2.827.200.000	-
App International Marketing PTE LTD	2.491.301.846	-
Trả trước người bán khác	2.411.780.052	14.978.161.207
Cộng	<u>27.595.743.938</u>	<u>24.843.643.207</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	304.130.000	-	285.900.000	-
Dự thu lãi tiền gửi, cổ tức	1.258.467.991	-	997.388.890	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu				
thuế tài chính	457.448.458	-	1.043.627.225	-
Phải thu khác	28.502.877	-	477.403.853	-
Cộng	2.048.549.324	-	2.804.319.968	-
Dài hạn:				
Kỳ quỹ thuê tài sản thuê tài chính	1.180.070.000	-	2.286.478.000	-
Kỳ quỹ khác	107.025.000	-	12.100.000	-
Cộng	1.287.095.000	-	2.278.576.000	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.718.302.548	1.008.414.800	874.207.662	298.573.024

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Nguyễn Quang Huy	106.734.160	7.271.550	Từ 01 đến 02 năm	106.734.160	36.867.948	Trên 01 năm
Công ty Mercury	115.463.400	34.639.020	Từ 01 đến 02 năm	115.463.400	57.731.700	Trên 01 năm
Redsun	1.009.642.440	656.724.796	Từ 06 tháng đến 02 năm	-	-	
Ana Water	304.470.587	213.129.411	Từ 01 đến 02 năm	-	-	
Các khách hàng khác	181.991.961	96.660.023	Trên 06 tháng	662.010.102	203.973.376	Trên 01 năm
Cộng	1.718.302.548	1.008.414.800		874.207.662	298.573.024	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.857.812.047	-	5.452.797.184	-
Nguyên liệu, vật liệu	187.251.028.454	-	122.887.538.166	-
Công cụ, dụng cụ	539.005.913	-	276.681.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.611.266.045	-	3.728.750.986	-
Thành phẩm	16.816.853.456	-	9.844.732.051	-
Cộng	214.075.965.915	-	142.190.499.493	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 4.18.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	133.090.403.623	275.036.313.420	11.139.336.997	6.896.939.806	473.095.818	426.636.689.964
Mua trong năm	281.818.182	64.690.119.886	1.326.730.000	1.309.368.900	-	67.606.036.968
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	12.964.043.478	-	-	-	12.964.043.478
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.141.632.267)	(712.047.819)	(54.965.400)	-	(1.908.545.306)
Tại ngày 31/12/2017	133.372.222.105	351.548.844.497	11.754.019.378	8.151.343.306	473.695.818	505.300.125.104
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	42.822.097.884	219.478.906.451	8.481.649.299	6.630.657.288	458.258.320	277.871.569.242
Khấu hao trong năm	5.280.738.395	16.943.584.587	859.839.819	214.937.841	8.125.000	23.307.225.642
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	12.964.043.478	-	-	-	12.964.043.478
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.141.632.267)	(712.047.619)	(54.965.400)	-	(1.908.545.306)
Tại ngày 31/12/2017	48.102.836.279	248.244.902.229	8.629.441.499	6.790.629.729	466.383.320	312.234.193.056
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	90.268.306.039	55.557.406.969	2.657.687.698	266.282.518	15.437.498	148.765.120.722
Tại ngày 31/12/2017	85.269.385.826	103.303.942.268	3.124.577.879	1.360.713.577	7.312.498	193.065.932.048

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 133.166.075.678 VND. Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 237.754.258.554 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2017	35.235.817.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.964.043.478)
Tại ngày 31/12/2017	22.271.773.550
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2017	22.296.925.182
Khấu hao trong năm	4.454.354.714
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.964.043.478)
Tại ngày 31/12/2017	13.787.236.418
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2017	12.938.891.846
Tại ngày 31/12/2017	8.484.537.132

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	232.020.000	1.792.384.200	55.667.889	2.080.072.089
Mua trong năm	-	31.262.000	45.000.000	76.262.000
Tại ngày 31/12/2017	232.020.000	1.823.646.200	100.667.889	2.156.334.089
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Khấu hao trong năm	-	207.424.300	11.250.000	218.674.300
Tại ngày 31/12/2017	232.020.000	1.391.603.500	66.917.889	1.690.541.389
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	-	608.205.000	-	608.205.000
Tại ngày 31/12/2017	-	432.042.700	33.750.000	465.792.700

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.368.368.089 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí đầu tư phần mềm ERP ngành sản xuất bao bì giấy	2.281.758.192	2.258.219.258
Chi phí đầu tư cụm tạo sóng A khổ giấy 2m	-	2.729.415.883
Chi phí khác	491.581.084	467.710.000
Cộng	<u>2.773.339.276</u>	<u>5.455.345.121</u>

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	204.322.576	410.929.165
Công cụ dụng cụ xuất đúng	229.141.687	224.225.771
Chi phí quảng cáo	-	181.818.182
Các khoản khác	298.686.503	92.590.332
Cộng	<u>732.160.746</u>	<u>909.563.450</u>
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	32.811.953.917	33.675.428.385
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	3.976.142.055	1.556.292.988
Công cụ dụng cụ xuất đúng	2.268.887.838	606.208.405
Bản quyền phần mềm Microsoft	325.011.025	563.846.310
Các khoản khác	22.500.000	45.000.000
Cộng	<u>39.404.494.835</u>	<u>36.545.774.088</u>

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để
thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.18.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

 Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	77.275.150.700	77.275.150.700	42.127.322.105	42.127.322.105
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	66.051.013.360	66.051.013.360	34.347.278.295	34.347.278.295
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	36.228.071.200	36.228.071.200	15.032.861.140	15.032.861.140
Phải trả cho các người bán khác	81.312.208.639	81.312.208.639	41.111.010.810	41.111.010.810
Cộng	260.864.443.899	260.864.443.899	132.618.472.350	132.618.472.350

4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017	Trong năm		Tại ngày 31/12/2017	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	608.796.903	13.883.963.705	(15.485.627.043)	1.000.000.000	5.133.565
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.212.471.940	(5.212.471.940)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.395.103.625	16.212.638.598	(18.395.304.167)	-	212.438.054
Thuế thu nhập cá nhân	1.166.431.483	11.230.751.475	(11.694.198.062)	29.606.598	732.591.494
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	4.168.332.011	46.543.825.716	(50.791.601.212)	1.029.606.598	950.163.113

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	5.147.000.000	3.567.875.725
Chi phí thuế thu nhập cá nhân	1.017.434.627	800.034.529
Chi phí lãi vay	777.009.950	418.204.970
Chi phí tiền ăn	481.990.000	510.261.000
Chi phí gia công	464.762.274	231.239.455
Các khoản trích trước khác	822.585.513	619.447.441
Cộng	8.710.782.364	6.345.063.120

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoạn	87.825.291	11.017.666
Bảo hiểm xã hội	673.507.261	652.515.804
Bảo hiểm y tế	114.339.286	106.750.524
Bảo hiểm thất nghiệp	50.583.460	47.029.376
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	232.712.283	372.156.697
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho bên liên quan	-	6.880.393.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các đối tượng khác	-	5.927.744.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.676.642	22.525.000
Cộng	<u>1.178.644.223</u>	<u>14.020.132.069</u>
Dài hạn:		
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược	140.000.000	-
Cộng	<u>140.000.000</u>	<u>-</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIỂN HÒA
Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2017		Trong năm		Tại ngày 31/12/2017	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	164.317.892.039	164.317.892.039	845.968.326.502	(812.096.476.992)	198.189.741.549	198.189.741.549
Vay dài hạn đến hạn trả	8.453.644.380	8.453.644.380	19.910.586.799	(11.859.297.481)	16.513.933.698	16.513.933.698
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.464.342.539	6.464.342.539	3.975.324.419	(5.464.342.520)	3.975.324.438	3.975.324.438
Cộng	179.235.878.958	179.235.878.958	869.863.237.720	(830.420.116.993)	218.678.999.685	218.678.999.685
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	27.038.802.515	27.038.802.515	34.192.044.000	(19.919.586.799)	41.311.259.716	41.311.259.716
Nợ thuê tài chính	4.156.195.058	4.156.195.058	-	(3.975.324.419)	180.870.639	180.870.639
Cộng	31.194.997.573	31.194.997.573	34.192.044.000	(23.894.911.218)	41.492.130.355	41.492.130.355
Tổng cộng	210.430.876.531	210.430.876.531	904.055.281.720	(854.315.028.211)	260.171.130.040	260.171.130.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Năm 2017 VND			Năm 2016 VND		
	Tổng khoản thanh toán liên thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	4.042.079.511	66.755.073	3.975.324.438	6.727.564.306	263.221.767	6.464.342.539
Trên 1 năm đến 5 năm	182.664.172	1.793.533	180.870.639	4.224.743.664	68.548.606	4.156.195.058
Cộng	4.224.743.683	68.548.606	4.156.195.077	10.952.307.970	331.770.373	10.620.537.597

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,7%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 4.3.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 57.825.193.414 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 16.513.933.698 VND.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình là 133.166.075.978 VND - Xem thêm mục 4.8.
- Chi phí thuế đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HOLD ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 4.12.

Nợ thuế tài chính là các khoản thuế tài chính máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gói dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính 05 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.156.195.077 VND, trong đó nợ thuế tài chính đến hạn trả là 3.975.324.438 VND - Xem thêm mục 11.

Handwritten note: 11/12 - 12/12

Handwritten note: 11/12 - 12/12

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	7.848.292.754	9.447.714.224
Trích lập trong năm	10.655.819.609	11.892.176.769
Sử dụng trong năm	(9.367.194.584)	(13.491.598.239)
Số dư cuối năm	<u>9.136.917.779</u>	<u>7.848.292.754</u>

4.20. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.

(Xem tiếp trang sau)

Số 121/2017/CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.21. Vốn chủ sở hữu

4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	128.324.370.000	-	(408.640.209)	55.660.181.630	110.822.993.972	264.398.905.393
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	74.655.796.014	74.655.796.014
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	14.931.159.203	(14.931.159.203)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.892.176.769)	(11.892.176.769)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.493.115.920)	(1.493.115.920)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.616.274.000)	(25.616.274.000)
Tặng khác	-	-	-	-	237.709.372	237.709.372
Tại ngày 01/01/2017	128.324.370.000	-	(408.640.209)	70.591.340.833	131.783.773.406	330.290.844.090
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	66.259.614.130	66.259.614.130
Bán cổ phiếu quỹ	-	636.060.646	408.640.209	-	-	1.044.700.855
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	13.251.922.826	(13.251.922.826)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(10.655.619.609)	(10.655.619.609)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.325.192.283)	(1.325.192.283)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.023.942.500)	(32.023.942.500)
Tại ngày 31/12/2017	128.324.370.000	636.060.646	-	83.843.263.659	140.786.510.378	353.590.204.683

Đã ký

31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	68.803.930.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	59.520.440.000
Cộng	128.324.370.000	128.324.370.000

4.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.832.437	12.808.137

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	68.259.614.130	74.655.796.014
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.938.942.120)	(11.915.246.891)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(1.325.192.283)	(1.493.115.920)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	54.995.479.727	61.247.433.203
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.810.201	12.808.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.293	4.782

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.559,55	10.614,39
EUR	300,60	300,00
Nợ khó đòi đã xử lý: Công ty Mỹ Đức	308.698.350	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán sản phẩm Carton	1.298.029.037.368	1.154.225.515.978
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	191.668.320.970	194.676.170.222
Doanh thu bán hàng khác	55.197.656.948	34.834.654.431
Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.512.359.350	8.045.429.310
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.837.600)	(42.502.360)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.554.385.537.034</u>	<u>1.381.740.467.581</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.040.496.140	4.804.400.821
Cổ tức	239.509.651	800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	138.405.135	406.771.123
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.804.404	-
Cộng	<u>4.422.215.330</u>	<u>6.011.171.944</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay ngân hàng	11.526.672.209	9.519.715.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.015.837	381.359.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	157.060.443
Cộng	<u>11.564.688.046</u>	<u>10.058.155.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	37.587.102.392	34.592.414.067
Chi phí vận chuyển	40.032.499.178	32.061.696.980
Chi phí khác	804.011.714	1.013.832.714
Cộng	<u>78.403.613.282</u>	<u>67.667.943.761</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.562.879.014	11.639.649.834
Chi phí vật liệu quản lý	171.481.742	147.803.125
Chi phí đồ dùng văn phòng	446.714.652	594.814.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	492.795.614	314.207.323
Thuế, phí, lệ phí	168.221.072	164.784.797
Chi phí dự phòng	400.902.385	18.990.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755.043.793	851.962.010
Chi phí bằng tiền khác	4.448.673.827	4.294.413.232
<i>Phí ngân hàng</i>	899.776.905	1.062.204.624
<i>Chi phí bảo hộ lao động</i>	362.958.255	379.358.286
<i>Chi phí tiền ăn</i>	274.592.500	215.508.000
<i>Chi phí hoạt động Đảng</i>	273.574.545	449.990.000
<i>Chi phí khác</i>	2.637.471.622	2.187.352.322
Cộng	<u>17.446.712.099</u>	<u>18.026.425.574</u>

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập cho thuê nhà xưởng	511.000.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	409.818.182	319.090.910
Thu bồi thường	348.730.319	793.181.582
Thu từ bán phế liệu	307.656.194	308.962.855
Thu nhập khác	2.394.914.515	1.065.916.198
Cộng	<u>3.972.119.210</u>	<u>2.488.171.525</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÍ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.194.176.013.686	1.006.721.187.415
Chi phí nhân công	147.199.644.393	153.774.423.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.843.727.124	27.760.762.724
Chi phí dự phòng	400.902.385	18.990.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.051.572.300	65.558.940.892
Chi phí bằng tiền khác	29.694.111.347	26.521.671.499
Cộng	<u>1.476.365.971.235</u>	<u>1.282.355.976.155</u>

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.212.638.596	18.724.665.485
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>16.212.638.596</u>	<u>18.724.665.485</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.006.931.107	93.380.461.499
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.108.038.645	1.071.382.905
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.051.774.774)	(828.516.960)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	81.063.192.978	93.623.327.424
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	16.212.638.596	18.724.665.485
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>16.212.638.596</u>	<u>18.724.665.485</u>

Các khoản điều chỉnh tăng/giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	880.160.370.502	817.411.349.125

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(823.843.474.633)	(830.076.570.078)

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	DVT: Triệu đồng							
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	1.406.204	1.245.126	148.176	136.612	-	-	1.554.380	1.381.740
Giữa các bộ phận	75.636	119.637	517.041	390.002	(592.677)	(509.639)	-	-
	<u>1.481.840</u>	<u>1.364.765</u>	<u>665.217</u>	<u>526.614</u>	<u>(592.677)</u>	<u>(509.639)</u>	<u>1.554.380</u>	<u>1.381.740</u>
Cộng								
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác	27.721	52.558	60.148	43.714	-	-	87.869	96.272
Thu nhập tài chính							4.422	6.011
Chi phí tài chính							(11.565)	(10.058)
Lợi nhuận khác							2.280	1.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(16.672)	(18.724)
Lợi nhuận sau thuế							<u>66.334</u>	<u>74.656</u>

(Xem tiếp trang sau)



11/2/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
 Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
							DVT: Triệu đồng	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản của bộ phận	809.157	687.042	281.438	201.398	(153.603)	(138.490)	936.962	749.980
Nợ phải trả của bộ phận	455.505	356.760	94.237	14.218	33.568	48.711	583.310	419.689
Chi phí mua sắm tài sản	67.766	23.074	50.332	250	(50.102)	(1.084)	68.056	22.240
Chi phí khấu hao	14.348	8.675	14.425	19.085	-	-	28.843	27.760

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải thu:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 4.3	1.132.926.300	1.445.097.478

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 5.1	9.512.359.350	8.045.429.310

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt Cố tức được nhận	4.934.657.849 1.627.111.600	3.960.917.320 1.095.610.000
Cộng	<u>6.561.769.349</u>	<u>5.056.527.320</u>

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	816.935.271	616.767.688

10. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị	8.384.350.000	50.181.385.000

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

C.T.C. Đ. N. A. I. 171

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
 Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**11. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gói dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 03 năm đến 05 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 4.18	4.158.195.077	10.620.537.597

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	3.975.324.438	6.484.342.539
Dài hạn	180.870.639	4.156.195.058
Cộng	4.156.195.077	10.620.537.597

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.782	4.836

13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.


 Trần Trang Bình
 Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2018

 Nguyễn Hoàng
 Trưởng BP.Tài chính

 Trần Xuân Định
 Người lập

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 31/12/2017

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>VND</u>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	72.047.882.731
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	27.552.874.563
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	18.052.080.206
Chi nhánh Công ty PepsiCo Việt Nam tại Đồng Nai	11.137.156.405
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	8.950.528.400
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	8.785.887.665
Công ty TNHH MTV Concord Textile Corporation Việt Nam	7.856.238.329
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	6.801.674.045
Khác	175.454.036.353
Cộng	<u>336.648.168.697</u>

2. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>VND</u>
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	77.275.150.700
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	68.051.013.360
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	36.228.071.200
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	20.519.568.210
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	11.006.748.520
Khác	49.785.895.909
Cộng	<u>260.864.443.899</u>

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN TRANG BÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: (0251) 3 836 121 – 3 836 122

Số Fax: (0251) 3 832 939

Website: www.sovi.com.vn